



## **Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn**

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3984 4822

Fax: (08) 3984 4746

Website: [www.garmexsaigon-gmc.com](http://www.garmexsaigon-gmc.com)



**GARMEX**  
Saigon.js

# TOP 50 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM

(Forbes Vietnam bình chọn)

Công ty cổ phần  
Sản xuất thương mại may Sài Gòn

**BÁO CÁO** 2014  
**THƯỜNG NIÊN**



# THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Kính thưa Quý Cổ đông!

Trên chặng đường hơn 10 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại May Sài Gòn đã xây dựng được hình ảnh một doanh nghiệp được khách hàng tin tưởng bằng uy tín và chất lượng sản phẩm của Công ty. Năm 2014 vừa qua đánh dấu năm khởi động của nhiệm kỳ III (2014-2018), trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế trong nước chưa thực sự phục hồi thì điểm tích cực nổi bật của kinh tế Việt Nam là các chỉ báo kinh tế vĩ mô được cải thiện theo hướng ổn định hơn. Tăng trưởng kinh tế năm 2014 mặc dù còn thấp song đã có sự cải thiện rõ nét so với những năm trước.

Đối với ngành dệt may, 2014 được coi là một năm thắng lợi. Với nỗ lực trong việc định hướng chiến lược sản xuất, toàn ngành đã đạt kim ngạch xuất khẩu 24,5 tỷ USD, tăng trên 19% so với năm 2013- là mức tăng lớn nhất trong 3 năm qua.

Garmex Saigon cũng không nằm ngoài sự tăng trưởng đó. Với nỗ lực cải tiến sản xuất, đầu tư 20 tỷ đồng thiết bị chuyên dùng, góp phần đạt mức doanh thu 1.423 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ và lợi nhuận trước thuế đạt 74 tỷ, đạt mức tăng 14,22% so với kết quả đạt được năm 2013.

Đạt được kết quả trên ngoài nỗ lực của tập thể Công ty, còn có vai trò giám sát, điều hành của HĐQT, Ban TGD khi dự báo chính xác diễn biến thị trường, kịp thời chỉ đạo phát triển khách hàng mới, điều chỉnh tỷ lệ khách hàng chính Hoa Kỳ từ 31,8% trong năm 2013 lên 46,55%, bù đắp kịp thời khách hàng chính Châu Âu bị sụt giảm từ 49,75% năm 2013 xuống còn 40,54%. Chủ động thiết kế chào hàng nội địa để giảm chi phí hỗ trợ lương cho người lao động mùa thấp điểm. Bên cạnh đó là tập trung cải tiến chuyên lean, tổ chức lại lực lượng thiết kế, qui trình công nghệ và triển khai kỹ thuật nhằm tăng tính liên kết, hợp tác và thực tiễn khi chuẩn bị sản xuất...

Bước sang năm 2015, trước những cơ hội và thách thức đan xen, Công ty coi đây là năm "tổng diễn tập" chuẩn bị đón đầu vận hội mới, tạo tiền đề tăng trưởng cho những năm tới. Với những chương trình hành động cụ thể như tái cơ cấu thị trường xuất khẩu, hoạch định nguồn nhân lực... Garmex Saigon hứa hẹn sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, xúc tiến mở rộng thị trường, hướng đến sự phát triển bền vững trong nhiệm kỳ III cũng như trong tương lai.

Thay mặt Garmex Saigon, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng, Quý cổ đông, Đối tác trong thời gian qua đã luôn tin tưởng. Tôi tin rằng với sự hợp tác, nỗ lực cao nhất của chúng ta, Garmex Saigon sẽ tiếp tục đạt nhiều thành tựu trong năm 2015.

Trân trọng,

**Chủ tịch HĐQT**

**Lê Quang Hùng**



# MỤC LỤC

## **I. Thông tin chung**

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các yếu tố rủi ro

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2014**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

## **III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

## **IV. Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

## **V. Quản trị Công ty**

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH và BKS

## **VI. Báo cáo tài chính kiểm toán 2014**





## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các yếu tố rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên tiếng anh:** SAIGON GARMENT MANUFACTURING TRADE JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** GARMEX SAIGON JS CO.

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 0300742387 do Sở KH-ĐT Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày lần đầu 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13/08/2014

**Vốn điều lệ:** 116.903.300.000 VNĐ

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 116.903.300.000 VNĐ

**Địa chỉ:** 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

**Số điện thoại:** (08) 3984 4822

**Số fax:** (08) 3984 4746

**Website:** [www.garmexsaigon-gmc.com](http://www.garmexsaigon-gmc.com)

**Facebook:** <https://www.facebook.com/pages/Garmex-Saigon-Js>

**Mã cổ phiếu:** GMC





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập Liên  
hiệp Xí nghiệp  
May TP. HCM

Ngày 07/01, Cổ phần  
hóa Garmex Saigon và  
trở thành Công ty Cổ  
phần Sản xuất TM May  
Sài Gòn

Ngày 22/12 là ngày giao  
dịch đầu tiên của CTCP  
SX – TM May Sài Gòn  
trên Sở GDCK Hồ Chí  
Minh với mã giao dịch  
GMC. Thành lập Công  
ty TNHH May Tân Mỹ

1976

1993

2004

2005

2006

Liên hiệp Xí nghiệp May  
thành phố Hồ Chí Minh  
được tổ chức lại thành  
Công ty Sản Xuất- Xuất  
nhập khẩu May Sài Gòn  
(Garmex Saigon)

Thành lập Xí nghiệp may  
Tân Phú và Xí nghiệp giặt  
Bình Chánh; Góp vốn  
thành lập Công ty Cổ phần  
Phú Mỹ. Trở thành thành  
viên liên kết với công ty Dệt  
may Gia Định





Tăng vốn điều lệ lên 106,3 tỷ đồng. Được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất tại Việt Nam. Là một trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhiều nhất trong năm 2013. Top 500 doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam. Thành lập Xí nghiệp Hà Lam trực thuộc Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh;

Tháng 9 năm 2013, thành lập chi nhánh May Sài Gòn Xanh tại San Pedro, Los Angeles, Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC).

Tăng vốn điều lệ của công ty lên 88.685.710.000 đồng

2007

2008  
2009

2012

2013

2014

Ngày 04/06 tăng Vốn điều lệ lên 46.694.970.000 đồng.



Góp 51% vốn điều lệ hợp tác với công ty TNHH Một thành viên Blue Exchange để thành lập công ty TNHH May Sài Gòn Xanh

Tăng vốn điều lệ lên 116,9 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức

**Năm**  
**- 2014**  
CP SX-TM MAY SÀI GÒN

**Các thành tích đạt được trong năm**

- Forbes Vietnam chọn vào danh sách 50 Công ty Niêm Yết Tốt Nhất Việt Nam.
- Xí nghiệp Hà Lam được chứng nhận đạt các chuẩn mực tuân thủ trách nhiệm xã hội theo WRAP.
- Garmex Saigon nhận Cúp Performance Excellence của Columbia Sportswear.

**Một số sự kiện tiêu biểu trong năm 2014**

- Kỷ niệm 10 năm thành lập CTCP Sản xuất thương mại May Sài Gòn 2004 - 2014.
- Khai trương xưởng 2 Công ty May Tân Mỹ.
- Garmex Saigon tiếp đón viên chức của Ủy ban An toàn Sản phẩm cho người tiêu dùng Mỹ.





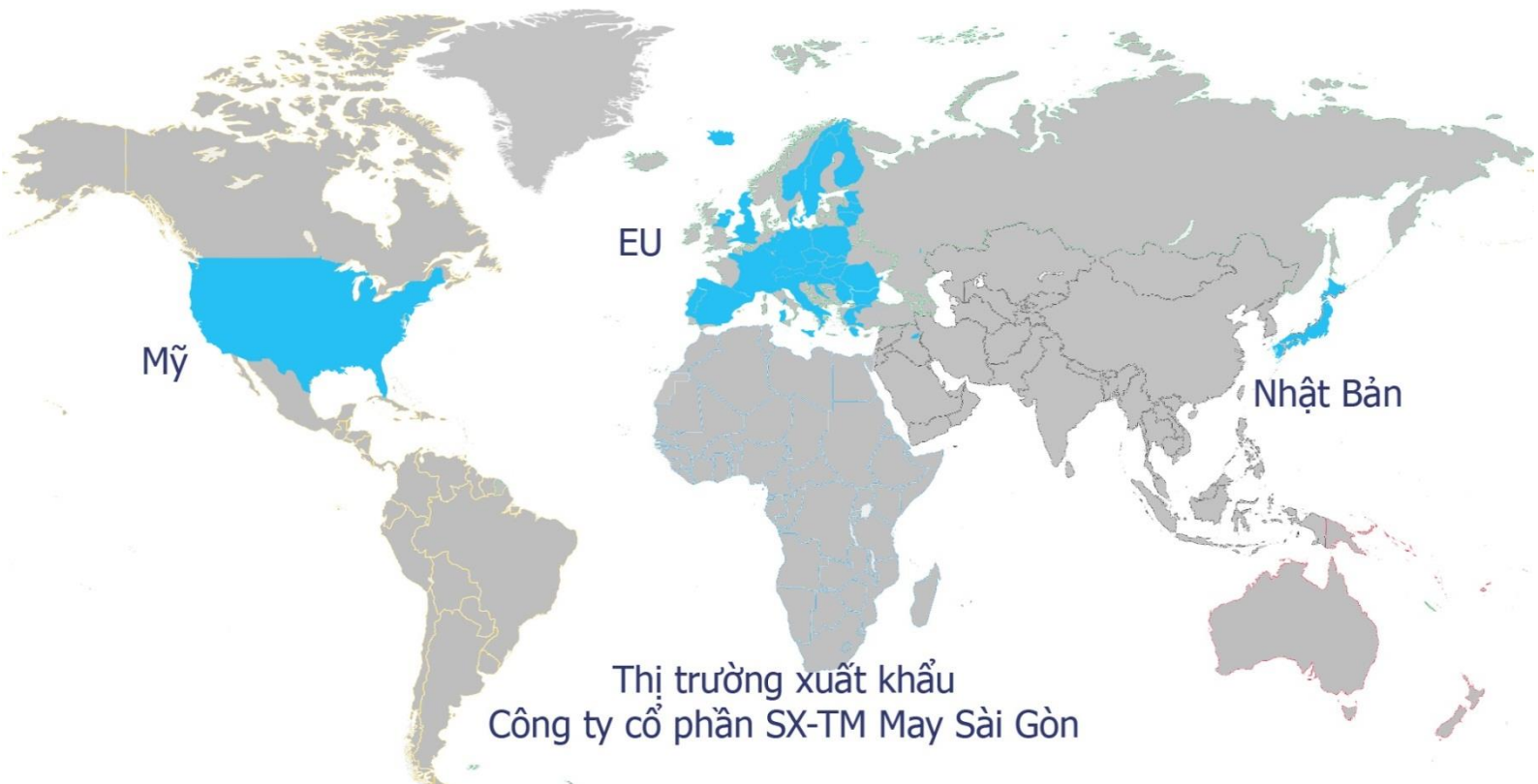
## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh chính

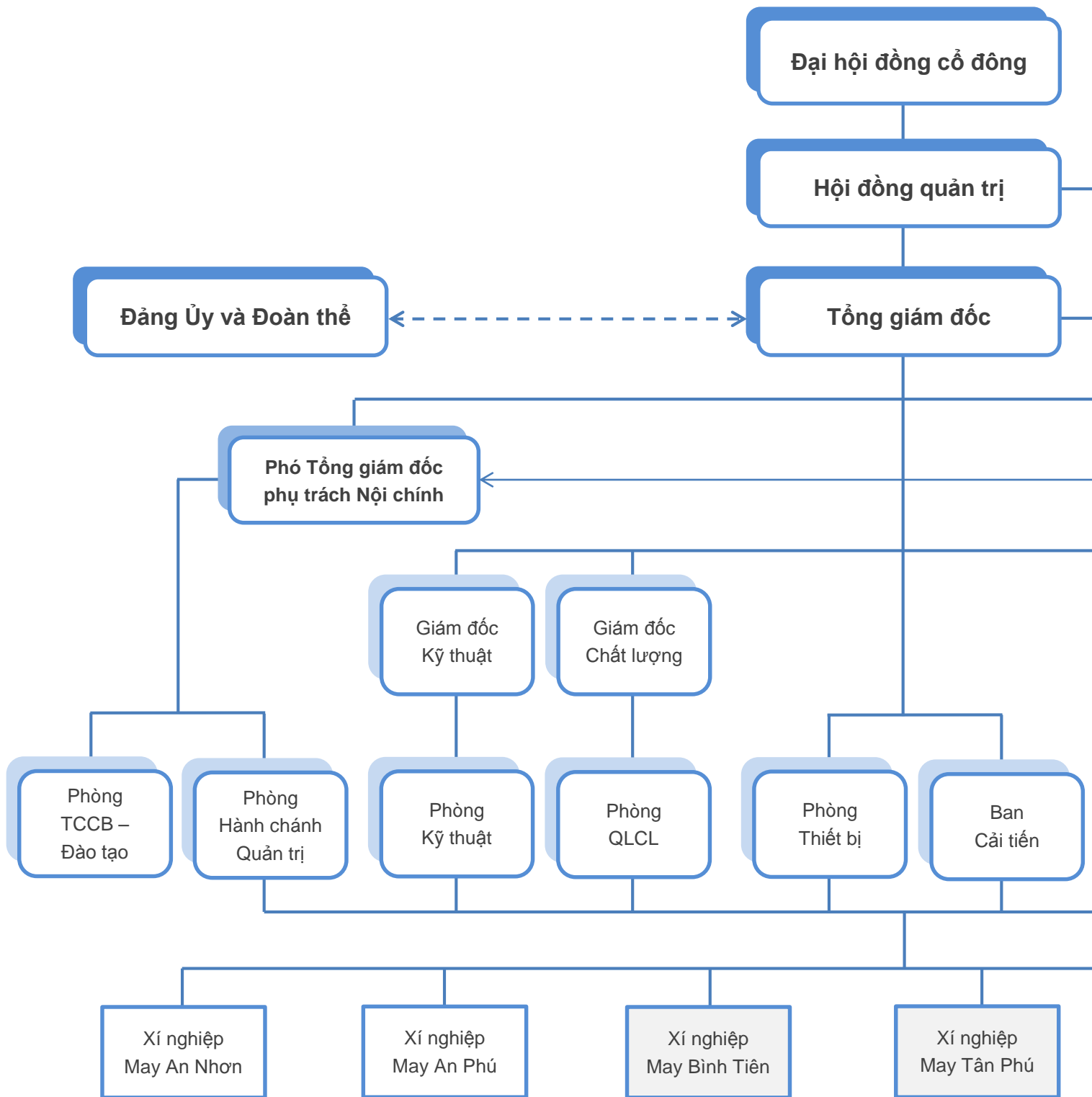
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).
- Sản xuất vải dệt thoi, dệt kim.
- Hoàn thiện sản phẩm dệt, đan móc và vải không dệt khác.
- buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.



### Địa bàn kinh doanh chủ yếu



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

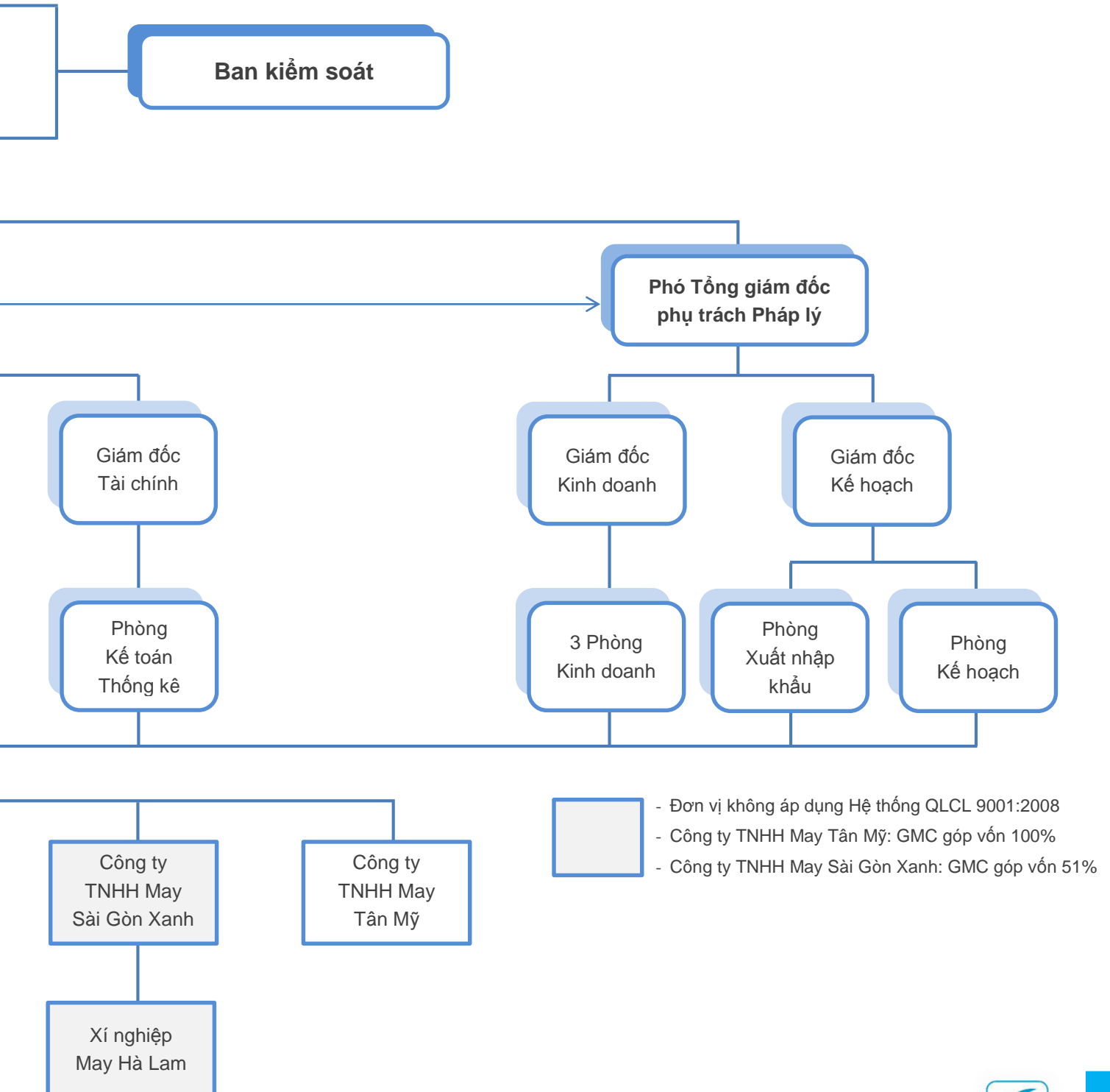




**Mô hình quản trị**

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan

- o Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- o Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- o Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- o Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.



- Đơn vị không áp dụng Hệ thống QLCL 9001:2008
- Công ty TNHH May Tân Mỹ: GMC góp vốn 100%
- Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh: GMC góp vốn 51%



**Văn phòng Công ty**

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08.3.984.4822

Fax: (84) 08.3.984.4746

Website: <http://www.garmexsaigon-gmc.com>

**Xí nghiệp May An Nhơn**

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08.3.894.0614

Fax: (84) 08.3.984.4746



**Xí nghiệp May Bình Tiên**

Địa chỉ: 55E Minh Phụng, P.5, Q.6, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08 3.969.2545

(84-8) 39 694 572

**Xí nghiệp may An Phú**

Địa chỉ: 14/5 Ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, H.Hóc Môn, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08.3.710.8548

Fax: (84) 08.37109135



**Xí nghiệp may Tân Phú (Cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm ngành may)**

Địa chỉ: 332 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08.3.973.8831

Fax: (84-8) 5923102



## Danh sách Công ty con, công ty liên kết

### Công ty con



#### Công ty TNHH May Tân Mỹ

Địa chỉ: Cụm công nghiệp - TNCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, BR-VT

Lĩnh vực sản xuất chính: Sản xuất các loại hàng dệt kim và dệt thoi

Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu của GMC: 100%



#### Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh

Địa chỉ: 332 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh chính: May trang phục; sản xuất vải dệt thoi; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép...

Vốn điều lệ thực góp: 74.825.960.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của GMC: 51%

### Công ty liên kết



#### Công ty cổ phần Phú Mỹ

Địa chỉ: Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, BR-VT

Lĩnh vực kinh doanh chính: Phát triển hạ tầng KCN, cụm công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Cung cấp các dịch vụ liên quan trong đầu tư và vận hành KCN, cụm công nghiệp

Vốn điều lệ thực góp: 4.341.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu của GMC: 32,47%

**3.000** tỷ đồng  
**DOANH THU**

**150** tỷ đồng  
**LỢI NHUẬN**

### Định hướng, chiến lược phát triển trung và dài hạn

#### Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đến 2018

- o Doanh thu: tăng bình quân từ 20% đến 25%/năm, phấn đấu đến năm 2018 đạt mức 3.000 tỷ đồng;
- o Lợi nhuận: tăng bình quân từ 3% đến 5%/doanh thu/năm, phấn đấu đến 2018 đạt mức 150 tỷ đồng;
- o Thu nhập bình quân người lao động: từ 8 triệu đồng đến 10 triệu đồng/người/tháng;
- o Cổ tức duy trì mức 20% đến 30% Vốn điều lệ/năm;

#### Mô hình sản xuất kinh doanh

##### Sản xuất

- o Về năng lực, nâng lên trên 90 chuyền may.
- o Về Sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, phức tạp để gia tăng lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh chủ trương “đa phương hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm” để giảm thiểu rủi ro “mùa vụ” khi tăng năng lực sản xuất;

##### Dịch vụ thương mại

- o Phát triển năng lực gián tiếp (nhà thầu phụ);
- o Phát triển chuỗi “thiết kế - sản xuất - phân phối”, tạo tiền đề phát triển phương thức ODM; phát triển dịch vụ đáp ứng nhu cầu FOB trên cơ sở lợi thế, kinh nghiệm Công ty;







### Đối với môi trường

Trong những năm qua, Garmex Sài Gòn đã không ngừng quan tâm, đầu tư đáng kể cho công tác bảo vệ môi trường. Công ty coi đây là một trong những yếu tố giúp GMC duy trì được năng lực cạnh tranh trong dài hạn, đảm bảo doanh nghiệp phát triển bền vững. Cụ thể trong các năm vừa qua, Công ty đã có nhiều hoạt động tích cực góp phần cải thiện môi trường làm việc, tạo lập mô hình sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, sạch và xanh, tạo không gian làm việc an toàn, thoải mái cho người lao động

### Đối với xã hội, cộng đồng

Nhằm khẳng định vị thế của Công ty trong chuỗi cung ứng của Khách hàng, nhiệm vụ hoàn thiện cơ chế tuân thủ Trách nhiệm xã hội, chủ động cập nhật yêu cầu, tiêu chuẩn của các tổ chức, hiệp hội trong cam kết hội nhập luôn được Công ty coi trọng.

Để đạt được mục tiêu trở thành Công ty may mặc tốt nhất Việt Nam “SẢN XUẤT HIỆU QUẢ - THƯƠNG HIỆU ĐẲNG CẤP”, Công ty không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần người lao động và quan tâm đến lợi ích của cổ đông trong Công ty. Công ty cam kết:

- Cung cấp cho thị trường những sản phẩm may mặc, dịch vụ SẠCH nhằm thỏa mãn nhu cầu hợp lý của khách hàng.
- Thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ luật Lao động, Tiêu chuẩn SA 8000 và các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan khác.
- Thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo 4T “Tin cậy, Thăng Tiến, Tăng trưởng, Truyền thống”

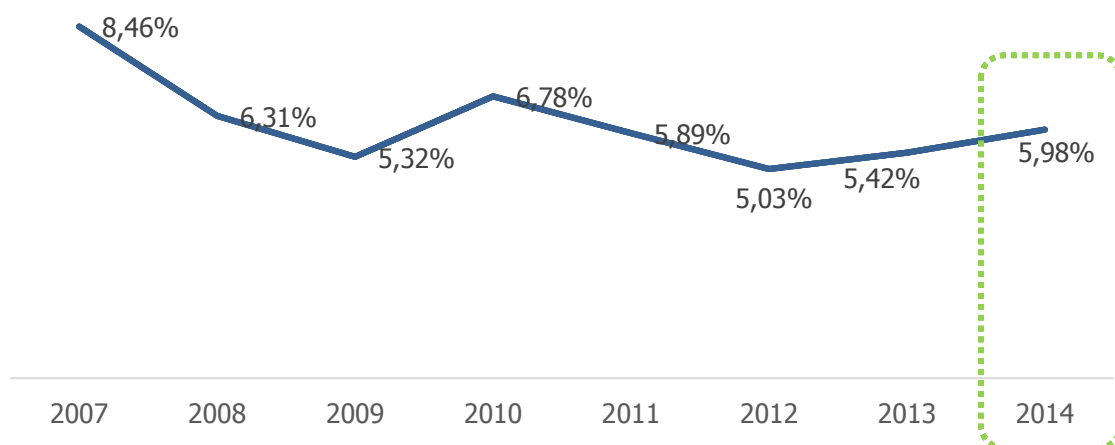
## CÁC RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đẩy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ mà nổi bật là chính sách về lãi suất. Bên cạnh đó, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu, một trong những thị trường xuất khẩu chính của nước ta. Đối với nền kinh tế mới nổi, các nước này gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ, dự báo tăng trưởng năm 2014 và 2015 của hầu hết các nền kinh tế Đông Nam Á cũng được điều chỉnh giảm. Điểm nổi bật trong những tháng cuối năm là giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu và vẫn đang tiếp tục giảm một cách không thể dự báo đã ảnh hưởng không nhỏ đến hầu hết các ngành nghề trong nước.

Là một doanh nghiệp mạnh và có tiếng trong ngành, môi trường kinh tế vĩ mô sẽ luôn có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của GMC. Mặc dù trong năm 2014, kinh tế nước ta có nhiều cải thiện rõ rệt thông qua các chỉ báo về vĩ mô như tăng trưởng GDP năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013 vượt mục tiêu của Chính phủ là 5.8% là mức tăng cao nhất trong 4 năm qua, chỉ số (PMI) tăng mạnh trong các tháng cuối năm ủng hộ đà tăng trưởng sản xuất, hay chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2014 tăng 7,6% so với mức tăng 5,9% của năm 2013. Tuy nhiên, trước tình hình nợ xấu chưa được cải thiện nhiều, khả năng hấp thụ vốn của các doanh nghiệp chưa cao, hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm và năng lực quản lý cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp là những hạn chế trong năm 2014 của nền kinh tế. Do đó, chúng tôi vẫn giữ quan điểm thận trọng trước những biến động tiềm ẩn nhiều rủi ro của nền kinh tế toàn cầu nói riêng và Việt Nam nói chung.

Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: GOS

### Rủi ro đặc thù ngành



GARMEX  
Saigon.js



**Rủi ro về nguồn lao động**

Xét về bối cảnh chung của cả nền kinh tế, cùng với sự dịch chuyển cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu lao động cũng có sự chuyển dịch tương ứng. Cụ thể: Năm 2014 có sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ các ngành kinh tế có năng suất lao động thấp như nông nghiệp, sang các ngành có năng suất lao động cao hơn như điện tử, công nghiệp phụ trợ...Sức hấp dẫn ở các ngành này đối với người lao động sẽ là thách thức cho các doanh nghiệp thâm dụng lao động như ngành may.

Bên cạnh đó, nguồn lao động chủ đạo của Công ty chủ yếu là công nhân ở các tỉnh miền Trung, miền Bắc, sắp tới lực lượng này có xu hướng chuyển dịch về vùng nông thôn khi nhiều dự án dệt may và các hoạt động đầu tư xây dựng trên cả nước được hoàn thành. Ngoài ra, tuổi nghề của lao động ngành khá thấp (~40 tuổi) nên Công ty thường xuyên phải chịu áp lực tìm kiếm nguồn lao động thay thế. Hơn nữa, do đặc thù về sự cạnh tranh lao động trong ngành nên Công ty luôn đảm bảo chính sách đãi ngộ hợp lý không những thu hút và giữ chân người tài.

**Rủi ro về nguyên liệu**

Đối với GMC, nguồn nguyên liệu chiếm hơn 60% trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh, và chiếm hơn 70% giá vốn hàng bán bình quân các năm. Do đó, sự thay đổi về giá cả nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp. Hơn thế nữa, nguồn nguyên liệu của GMC phụ thuộc rất nhiều nhập khẩu, khi TPP bắt đầu có hiệu lực mà thực tế là hầu hết các nước Việt Nam nhập nguyên liệu lại không nằm trong khối các nước sẽ tham gia đàm phán TPP thì vấn đề nguyên vật liệu lại trở thành một thách thức lớn. Là một doanh nghiệp uy tín nên GMC đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm chủ động nguồn nguyên liệu cũng như duy trì quan hệ với nhiều nhà cung cấp trong ngành, chủ động tạo lợi thế cạnh tranh trong việc đàm phán với nhà cung cấp, xây dựng hệ thống nhà thầu phụ cung ứng tốt.

**Rủi ro phương thức sản xuất**

Với định hướng là tập trung phát triển sản xuất theo phương thức xuất khẩu FOB (mua nguyên liệu, bán thành phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu với 92,5%) nhưng việc tập trung vào phương thức này có thể dẫn đến một số rủi ro khách quan và chủ quan. Chẳng hạn công ty không kịp giao hàng hoặc hàng hóa không đảm bảo chất lượng sẽ phát sinh chi phí phạt chậm giao hàng hoặc bị từ chối nhận hàng gây thiệt hại cho công ty. Để khắc phục rủi ro này, công ty đã xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và sự phối hợp giữa các phòng ban, đảm bảo chất lượng hàng hóa và thời gian giao hàng. Bên cạnh đó, GMC cũng đang thử nghiệm phương thức kinh doanh ODM - tự thiết kế, sản xuất và bán sản phẩm cho khách hàng đồng thời kết hợp với chuyển đổi chiến lược sản phẩm trong FOB; chuyển dịch dần cơ cấu sản xuất sang thương mại.



### Rủi ro pháp luật, chính sách

Hiện nay, các văn bản pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó dù ít hay nhiều cũng sẽ ảnh hưởng đến nhiều mặt hoạt động sản xuất và quản trị của doanh nghiệp. GMC luôn theo sát những biến động, cũng như cập nhật những văn bản pháp luật mới ban hành để giảm thiểu rủi ro về thay đổi chính sách có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động của Công ty. Hơn thế nữa Việt Nam đang trong quá trình đàm phán và ký kết nhiều hiệp định song phương và đa phương như TPP và FTA, đây là cơ hội và cũng là thách thức cho GMC. Năm bắt được điều đó, Bộ phận xúc tiến thương mại của Công ty đã và đang nghiên cứu về Luật pháp Quốc tế cũng như các quy định về Thương mại Quốc tế để chuẩn bị chu đáo cho chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh của mình.

### Rủi ro tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của GMC vừa nhập khẩu nguyên vật liệu vừa xuất khẩu hàng hóa nên đồng tiền giao dịch chủ yếu của Công ty là USD. Hiện nay, đồng USD mạnh là một trong những nguyên nhân dẫn đến lãi suất US tăng, ảnh hưởng đến chi phí tài chính của GMC (do Công ty đang sử dụng các dịch vụ tín dụng liên quan đến đồng USD như LC, thanh toán bằng Tradecard...). Sự mạnh lên của đồng USD còn ảnh hưởng tiêu cực đến sức mua của người tiêu dùng US – là những đối tượng khách hàng của các đơn hàng do GMC thực hiện.

Do vậy, Công ty đã và đang xây dựng cho mình sách quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu hóa thời hạn thanh toán cũng như cơ cấu các khoản nợ nhờ dự báo tỷ giá ngoại tệ. Bên cạnh đó, GMC cũng đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu, thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro. Năm 2014, dự trữ ngoại hối tăng cao và tỷ lệ ngoại tệ được kiểm soát trong biên độ đề 2% đã đề ra nên tình hình tỷ giá được Công ty kiểm soát tốt.







### Rủi ro về lợi thế cạnh tranh

Khi các Công ty FDI gia tăng đầu tư khép kín (từ sản xuất sợi đến sản phẩm may mặc cuối cùng với sự hậu thuẫn của Công ty mẹ trong việc bao tiêu sản phẩm) hay một số DNVN có khả năng đầu tư khép kín tương tự ví dụ như Vinatex. Sự chủ động nguồn cung nguyên liệu, phù hợp yêu cầu xuất xứ tạo lợi thế cạnh tranh đơn hàng. Từ đó, lợi thế cạnh tranh này giúp các doanh nghiệp có việc làm ổn định, dễ dàng thu hút lao động.

### Rủi ro 'mùa vụ'

Chu kỳ xuất khẩu hàng dệt may do tính chất mùa vụ nên thường đạt giá trị thấp những tháng đầu năm; bắt đầu tăng trưởng vào tháng 5 và đạt mức cao nhất vào tháng 8 hằng năm; sau đó giảm nhẹ trong những tháng cuối năm. Năng lực sản xuất của Công ty đủ khả năng để đáp ứng nhu cầu đơn hàng vào mùa cao điểm nhưng đến mùa thấp điểm, khối lượng đơn hàng ít, công nhân phải nghỉ chờ việc gây áp lực hỗ trợ lương cho Công ty.

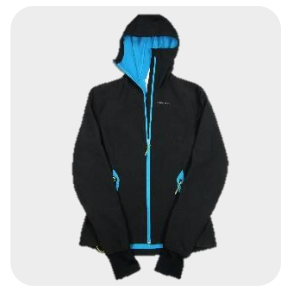
### Rủi ro khác

Những rủi ro (như động đất, thiên tai, hỏa hoạn...) có xác suất xảy ra thấp nhưng nếu xảy ra sẽ có mức độ thiệt hại đáng kể về con người và cả tài sản...Tuy nhiên, với phương châm hoạt động thận trọng, GMC đã mua bảo hiểm tài sản (nhà xưởng, hàng hóa, phương tiện vận tải...) và bảo hiểm tai nạn đối với người lao động nhằm hạn chế phần nào những rủi ro khách quan nói trên.

SẢN  
XUẤT



THƯƠNG  
HIỆU



HIỆU  
QUẢ



ĐẲNG  
CẤP

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động SXKD trong năm 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	Tăng/Giảm
Doanh thu sản xuất	Triệu đồng	1.229.203	1.409.984	14,7%
Doanh thu xuất khẩu FOB	Triệu đồng	1.136.115	1.364.217	20,1%
Doanh thu xuất khẩu CMP	Triệu đồng	4.100	728	-82,2%
Doanh thu nội địa	Triệu đồng	87.643	38.593	-56,0%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.228.479	1.409.479	14,7%
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	166.108	208.074	25,3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	59.287	73.879	24,6%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	65.071	74.326	14,2%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	49.299	56.908	15,4%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	Triệu đồng	6.124	5.435	-11,3%

Kết thúc năm tài chính 2014, Doanh thu thuần của Công ty đạt mức cao nhất từ trước tới nay, duy trì đà tăng trưởng so với cùng kỳ. Đóng góp lớn nhất vào sự tăng trưởng doanh thu là doanh thu từ hoạt động xuất khẩu FOB của Công ty với mức tăng hơn 20% so với kết quả đạt được năm 2013.

Trong các chỉ tiêu lợi nhuận, biên lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD có mức tăng trưởng cao nhất với tỷ lệ lần lượt là 25% và 24% so với cùng kỳ. Trong khi doanh thu tăng hơn 20% thì giá vốn tăng ở mức thấp hơn (13%) là yếu tố giúp biên lợi nhuận gộp tăng ở mức cao so với cùng kỳ.





Tình hình thực hiện kế hoạch đề ra theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	% Kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.300	1.423	109,46%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	67	74,3	110,9%

Trước bối cảnh kinh tế thế giới không mấy khả quan với sự phục hồi chậm chạp của nền kinh tế Mỹ, những biến động tiêu cực của thị trường tài chính Châu Âu và Nhật Bản...nhưng Garmex Saigon đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên 2014. Cụ thể, Tổng doanh thu hợp nhất đạt 1.423 tỷ đồng, vượt 9,46% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 74 tỷ đồng, tương đương 110,45% chỉ tiêu kế hoạch. Có được thành quả đáng ghi nhận như vậy là nhờ định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, nỗ lực của Ban điều hành và sự cống

hiến của tập thể CBCNV Garmex Sai Gon. Thực tế, trong năm 2014, Garmex Saigon đã có nhiều bước đi mang tính đột phá trong quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Nhiều biện pháp cải tiến đã được áp dụng để hoàn thiện phương thức sản xuất tinh gọn (LEAN Manufacturing). Bộ phận quản lý sản xuất và kỹ thuật của Công ty cũng như các Xí nghiệp thành viên cũng được cải tổ toàn diện. Thêm vào đó là công tác đào tạo nghiệp vụ được tiến hành thường xuyên và ngày càng đạt chất lượng tốt, có tính ứng dụng cao.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Ban điều hành nhiệm kỳ III (2014-2018)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Ông Nguyễn Ân	Tổng giám đốc	285.441	2,44%
2	Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Phó Tổng giám đốc	187.283	1,60%
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc phụ trách nội chính	19.247	0,16%
4	Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	9.079	0,08%

### Sơ yếu lý lịch Ban điều hành



#### NGUYỄN ÂN – TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại GMC: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH May Tân Mỹ, Thành Viên HĐQT Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh



#### ĐỖ THỊ KIM NHÂN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Chính trị, Cử nhân Luật
- Chức vụ hiện nay tại GMC: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI), Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH May Tân Mỹ



#### NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - ngành Quản trị
- Chức vụ hiện nay tại GMC: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc chi nhánh CT TNHH May Sài Gòn Xanh



**NGUYỄN MINH HẰNG – GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIÊM KẾ TOÁN TRƯỞNG**

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại GMC: TV HĐQT, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

**Những thay đổi trong Ban điều hành**

Trong năm, Garmex Saigon có 2 sự thay đổi trong ban điều hành như sau:

- Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 19/QĐ/HĐQT/NK3 ngày 17/06/2014 về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Minh Hằng đảm nhận chức vụ Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn.
- Ông Nguyễn Hoàng Giang không còn nắm giữ chức vụ Phó tổng giám đốc do hết nhiệm kỳ.

**Số lượng Cán bộ công nhân viên**

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	133	3.1%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	160	3.7%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	3.787	89.1%
4	Lao động phổ thông	170	4%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	3.870	91.05%
2	Lao động gián tiếp	380	8.9%
III	Theo giới tính		
1	Nam	1.041	24.5%
2	Nữ	3.209	75.5%
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.250</b>	<b>100%</b>

Tính đến 31/12/2014, toàn Công ty có 4.250 lao động, thu nhập bình quân đạt **8.117.109 đồng/người/tháng**.



## Một số chính sách đối với người lao động 2014

### Chính sách lương thưởng, trợ cấp đối với người lao động

Trong năm 2014, mặc dù trong bối cảnh chung cả nền kinh tế đều khó khăn, khá nhiều doanh nghiệp cắt giảm nhân sự, lương thưởng... của người lao động nhưng Garmex Sai Gon vẫn đảm bảo đầy đủ chế độ lương thưởng cũng như các chính sách phúc lợi khác cho đội ngũ CBCNV của Công ty:

- Chế độ lương thưởng của Công ty được áp dụng theo nguyên tắc gắn tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả làm việc của mỗi người. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng hài hòa lợi ích của Doanh nghiệp và phúc lợi đối với người lao động: chế độ thưởng cuối năm luôn ở mức cao so với mặt bằng chung, được hưởng đầy đủ chế độ nghỉ ngơi, lễ tết... Ngoài ra, Garmex Sài Gòn còn thực hiện nhiều chính sách chăm lo đời sống người lao động để giữ chân người lao động ở lại làm việc lâu dài, ổn định như tổ chức xe đưa đón công nhân ở xa về quê đón tết...
- 100% CBCNV đều được tham gia đóng BHXH, BHYT theo đúng luật định. Hằng năm, người lao động được tổ chức khám sức khỏe định kỳ, được trang bị thiết bị bảo hộ theo đúng đặc thù công việc của mỗi người.

Thêm vào đó, để khích lệ thêm tinh thần làm việc của người lao động, hằng năm, GMC đều sử dụng một phần Quỹ phúc lợi để tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động khi ốm đau, hiếu hỷ..., tặng quà nhân dịp 8-3 cho lao động nữ, tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát, tham gia các hoạt động văn - thể - mỹ.

### Chính sách đào tạo

- Trong giai đoạn nhu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng cao như hiện nay, đặc biệt khi Công ty có định hướng chuyển dịch dần cơ cấu sản xuất FOB sang ODM, sản xuất kết hợp với thương mại...GMC đã và đang triển khai kế hoạch tái cơ cấu, hoạch định nguồn nhân lực: nâng cao năng lực đối với đội ngũ quản lý sản xuất, nâng cao tay nghề, nghiệp vụ kỹ thuật các cấp, phát triển chất lượng nhân sự cấp cán bộ quản trị điều hành...
- Hiện nay, Công ty duy trì một số chương trình đào tạo thường xuyên cho CBCNV:
  - Duy trì Đào tạo nội bộ không tốn nhiều chi phí mà thực tế hơn;
  - Mở lớp đào tạo về kỹ năng quản lý;
  - Tạo điều kiện, cử CBCNV tham gia lớp học ngoại ngữ.

### Chính sách mới

Ngoài các chính sách đãi ngộ năm 2013 tiếp tục duy trì, năm 2014 có áp dụng chính sách mới:

- Chính sách hỗ trợ CBCNV Nữ đơn thân nuôi con, 1 con : 500.000 đ/tháng/người; 2 con: 800.000 đ/tháng/người; 3 con: 1.500.000 đ/tháng/người.
- Chính sách lương “mềm” đối với nhân viên nghiệp vụ.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2014, Garmex Saigon đã hoàn thiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2 đối với Công ty TNHH May Tân Mỹ với tổng giá trị đầu tư hơn 21 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, việc đầu tư 3 chuyên may phục vụ hoạt động sản xuất của May Tân Mỹ cũng như nâng cấp, hoàn thiện thêm đối với các Chuyên may hiện tại. Tổng giá trị đầu tư đạt hơn 19 tỷ đồng.

### Các công ty con, công ty liên kết

#### Một số chỉ tiêu tóm tắt tài chính của Công ty con

Công ty TNHH May Tân Mỹ

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014
Doanh thu	Triệu đồng	151.521	180.435
LNTT	Triệu đồng	3.406	4.992
Tài sản	Triệu đồng	49.876	57.448
Vốn điều lệ	Triệu đồng	15.000	15.000

Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014
Doanh thu	Triệu đồng	11.093	80.665
LNTT	Triệu đồng	(14.499)	(7.324)
Tài sản	Triệu đồng	68.189	80.469
Vốn điều lệ	Triệu đồng	65.348	74.826

#### Một số chỉ tiêu tóm tắt tình hình tài chính Công ty liên kết

Công ty cổ phần Phú mỹ

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014
Doanh thu	Triệu đồng	12.916	1.862
LNTT	Triệu đồng	-2.315	-321
Tài sản	Triệu đồng	46.681	47.523
Vốn điều lệ	Triệu đồng	13.289	13.289





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2014 so với 2013
1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	657.777	637.070	-3,10%
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	1.228.479	1.409.479	14,73%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr. đồng	59.278	73.879	24,63%
4	Lợi nhuận khác	Tr. đồng	5.784	447	-92,27%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	65.071	74.326	14,22%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	49.299	56.908	15,43%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	30%	30%	-

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

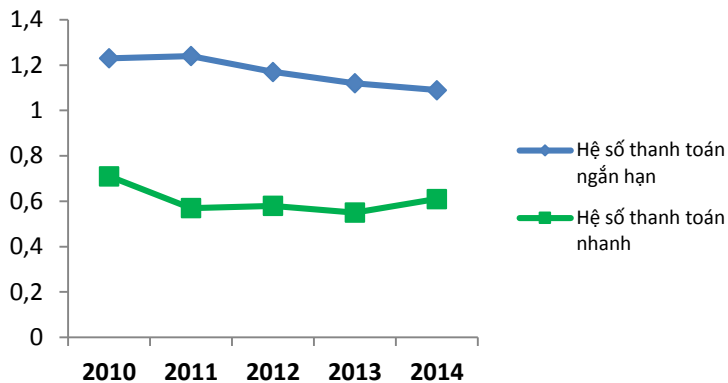
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,12	1,09
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,55	0,61
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Nợ/Tổng tài sản	%	64,2	61,1%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	198,5	171,1%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	5,1	5,6
Số ngày tồn kho bình quân	Ngày	71	65
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,9	2,2
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,6	4,0
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	29,3	25,0
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,2	8,9





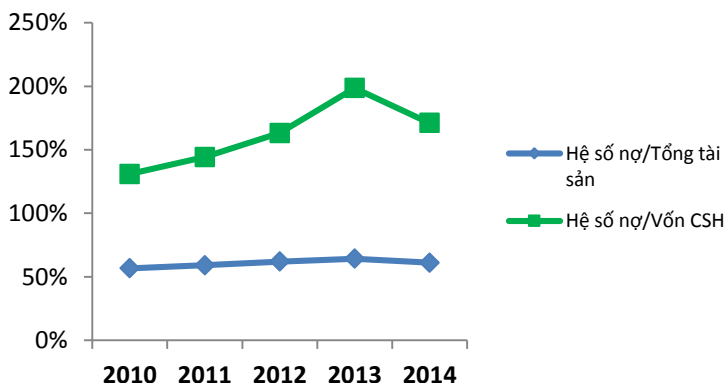
### Khả năng thanh khoản

Hệ số thanh toán nhanh có phần cải thiện tăng từ 0,55 lần năm 2013 lên 0,61 lần năm 2014 do nợ ngắn hạn giảm từ 422 tỷ xuống còn 389 tỷ đồng.



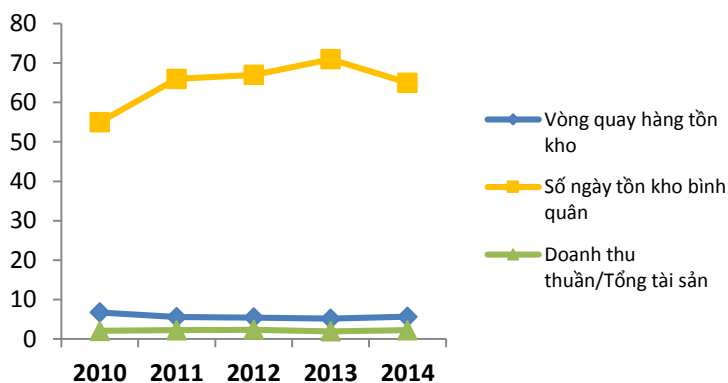
### Cơ cấu vốn

Sang năm 2014, tình hình nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu có nhiều cải thiện, lần lượt đạt 61,1% và 171,1% là nhờ giá trị nợ giảm mạnh, đây là thành công của công ty trong việc quản trị nguồn nợ vay và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



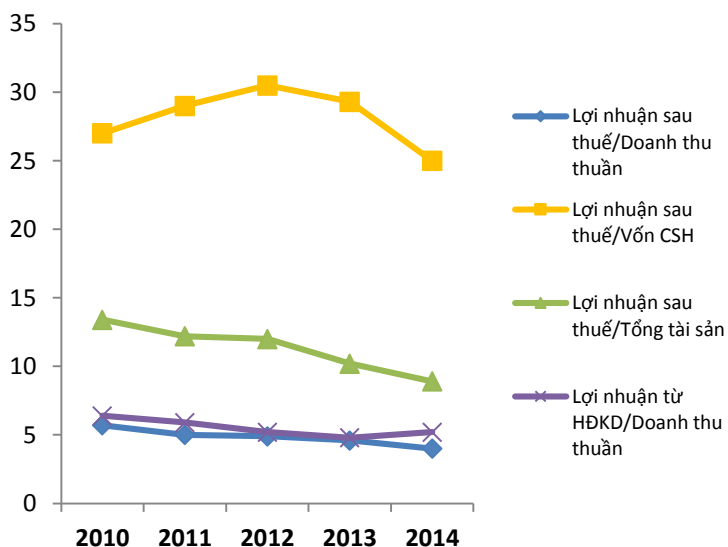
### Năng lực hoạt động

Hơn thế nữa, Số vòng quay hàng tồn kho và doanh thu thuần trên tổng tài sản tăng đáng kể từ 5,1 vòng năm 2013 lên 5,6 vòng trong năm 2014 và doanh thu thuần từ 1,9 lần lên đến 2,2 lần, do GMC cải thiện được năng suất lao động và áp dụng máy móc hiện đại trong quá trình sản xuất.



### Tỷ suất lợi nhuận

Biên lợi nhuận trong năm của GMC giảm so với năm trước, tuy nhiên, tỷ lệ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần của doanh nghiệp tăng từ 4,8% năm 2013 lên 5,2% năm 2014. Hoạt động kinh doanh năm 2014 không có nhiều đột biến trong bối cảnh khó khăn chung của ngành.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

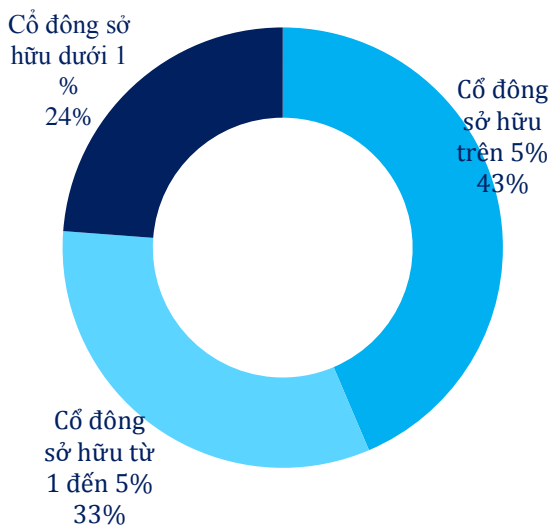


### Thông tin cổ phần

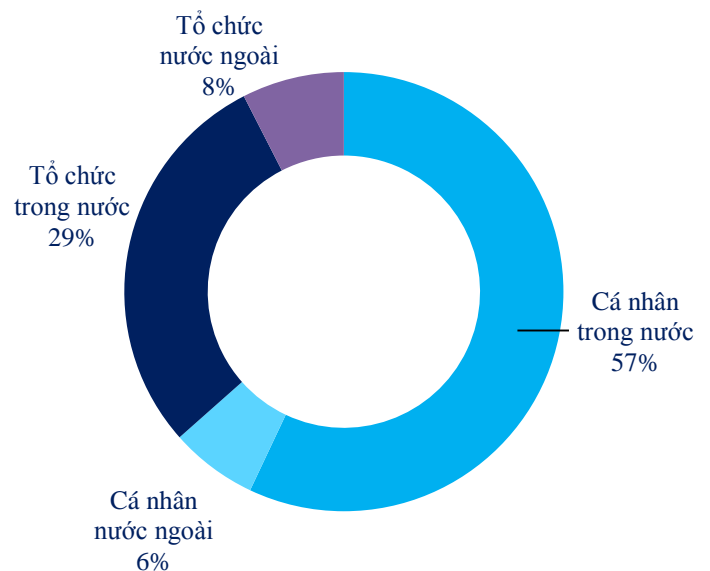
Số cổ phiếu đã phát hành	: 11.690.330 cổ phần
Số cổ phiếu thường	: 11.690.330 cổ phần
Số cổ phiếu ưu đãi	: 0 cổ phần
Số cổ phiếu đang lưu hành	: 11.641.070 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ	: 49.260 cổ phần
Mệnh giá	: 10.000 đồng

### Cơ cấu cổ đông Theo danh sách chốt ngày 18/3/2015

#### Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu



#### Cơ cấu cổ đông theo đối tượng sở hữu







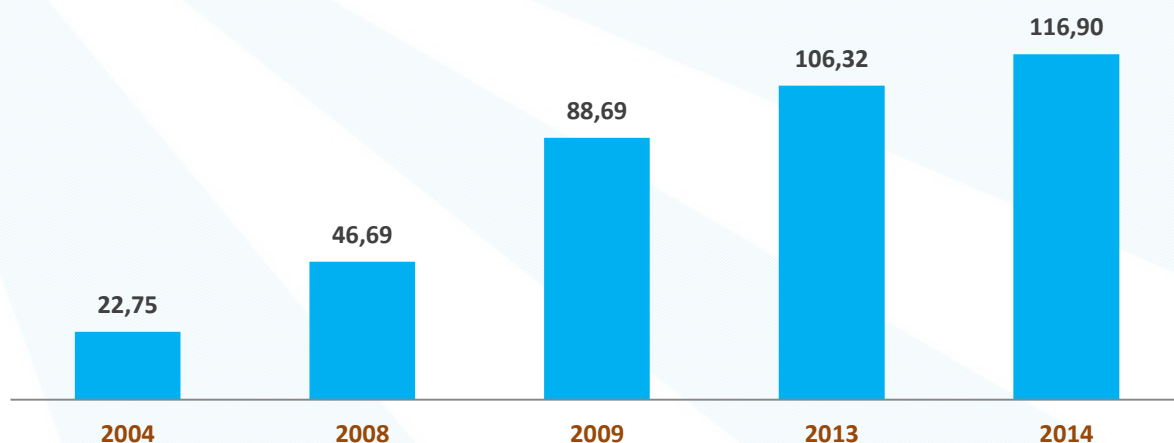
**Danh sách cổ đông lớn**

STT	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH - MTV Dệt May Gia Định	0300744507	10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP.HCM	1.173.289	10,04%
	<i>Bà Phan Thị Phương làm đại diện</i>	022605967	491/45 C Lê Quang Định, P1, Q.Gò Vấp.	1.173.289	10,04%
2	LÂM QUANG THÁI	023930608	4C/2 Yên Thề, P2, Q. Tân Bình, TP.HCM	1.912.686	16,36%
3	TRẦN CẢNH THÔNG	023324942	351/53 Lê Văn Sĩ, Phường 13, Quận 3 TPHCM	773.511	6,62%
	LÂM TỬ THANH	21841229	186 Thái Phiên, P.8, Q.11, Tp.HCM	1.265.690	10,83%
4	<i>Sở hữu cá nhân</i>			392.070	3,35%
	<i>Đại diện Công Ty TNHH TM Á Châu</i>		6 Trần Quang Diệu, P.13, Q.3, Tp.HCM	436.810	3,74%
	<i>Đại diện - Công Ty TNHH Tân Á</i>		90 Quốc lộ 1A Xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, Long An.	436.810	3,74%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là CTCP đến nay, GMC đã trải qua quá trình tăng vốn như sau:

**Vốn điều lệ Garmex Saigon qua các năm (ĐVT: tỷ đồng)**



Trong năm 2014, Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2014, Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 10% tương đương 1.057.899 cổ phần.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Tính đến 31/12/2014, Số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty: 49.260 cổ phần. Trong năm 2014, Công ty không thực hiện bất cứ một giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ nào.

**Các chứng khoán khác:** Không có



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Môi trường kinh doanh năm 2014

Trước bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước chịu ảnh hưởng tác động của thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu vào những năm 2010-2012, doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức, sức mua giảm, hàng tồn kho lớn, vốn ứ đọng tăng, đến năm 2013 - 2014 tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi dần nhưng thị trường thế giới có nhiều bất ổn khó lường, tài chính tiền tệ diễn biến phức tạp, tình hình trong nước giá đầu vào tăng, tiền lương tối thiểu tăng, giá vận chuyển tăng, đơn hàng có số lượng nhỏ... ít nhiều đã làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD. Tuy nhiên, với nỗ lực hết mình của tập thể CBCNV của Công ty, sự linh hoạt trong quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành nên trong năm qua, Công ty đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận.

### Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	Tăng/Giảm
<b>Về sản xuất</b>				
Kim ngạch xuất khẩu	USD	52.444.540	64.473.657	22,94%
Số chuyển sản xuất (*)		57	60	5,26%
Năng suất lao động (**)	USD/người/ngày	12,64	13,77	8,93%
<b>Về kết quả SXKD</b>				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.250.313	1.423.655	13,9%
<i>Trong đó</i>				
Doanh thu thuần hợp nhất	Tỷ đồng	1.228	1.409	14,7%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	65,07	74,33	14,2%
<b>Về lợi ích đối với cổ đông</b>				
EPS	VNĐ/CP	6.124	5.435	-11,3%
Cổ tức chi trả/vốn điều lệ	%	30	30	-

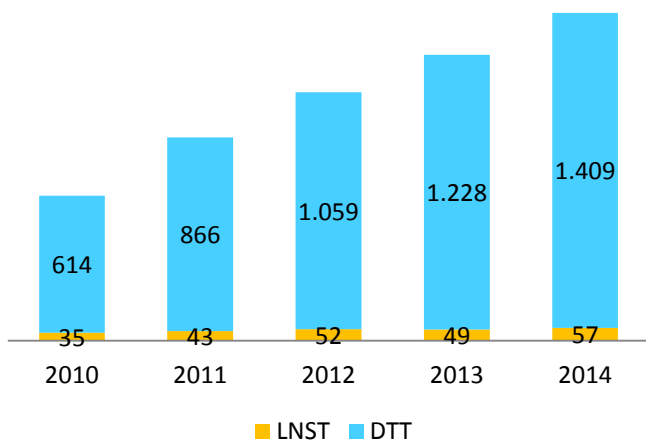
(\*) Số chuyển may năm 2013 đã bao gồm số chuyển may của Xí nghiệp Hà Lam

(\*\*) Năng suất lao động năm 2013 đã bao gồm số liệu của Xí nghiệp Hà Lam

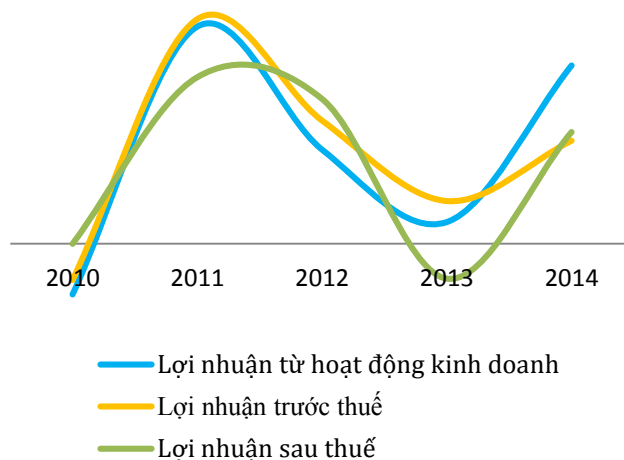




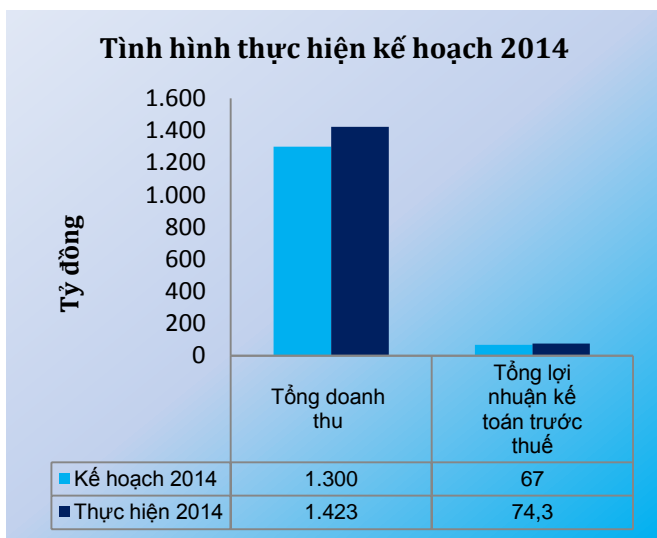
Tăng trưởng kinh doanh, lợi nhuận qua các năm



Diễn biến các chỉ tiêu tài chính qua các năm



Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch đã đề ra



Garmex Saigon luôn duy trì kết quả kinh doanh đầy tích cực qua các năm khi các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế luôn vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể, kết thúc năm 2014, tổng doanh thu vượt 9,46% kế hoạch và Lợi nhuận trước thuế vượt 10,9% kế hoạch. Đây có thể nói là một thành tích đáng khích lệ của GMC trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước đang hết sức khó khăn. Tất cả đã thể hiện được năng lực điều hành của Ban tổng giám đốc trong việc điều hành sản xuất; đầu tư có chiều sâu, trọng điểm; tăng cường công tác quản lý chi phí: siết chặt chi phí đầu vào, tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất...

Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2014

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp may Hà Lam (trực thuộc Công ty TNHH Sài Gòn Xanh) có đơn hàng gia công đầu tiên xuất đi US. Năng suất lao động tăng, kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Sài Gòn Xanh tăng.

Cả 3 Xí nghiệp trực thuộc Công ty đều triển khai chuyên LEAN giai đoạn 2.

Văn phòng đại diện của Garmex Saigon tại Mỹ đã xúc tiến phát triển 2 khách hàng mới NEFT, GAMEGUARD: Saigon Xanh LLC đã mang lại doanh thu hơn 2 triệu USD, lợi nhuận sau thuế tương ứng là 30.000 USD).

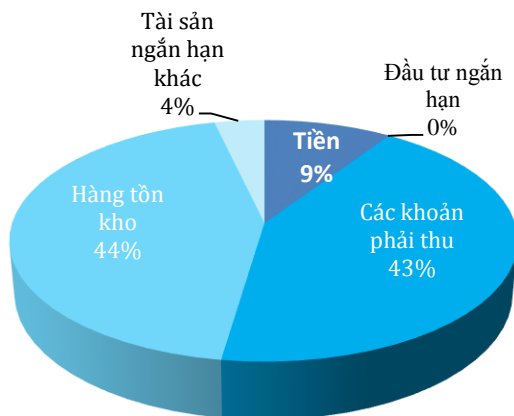
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

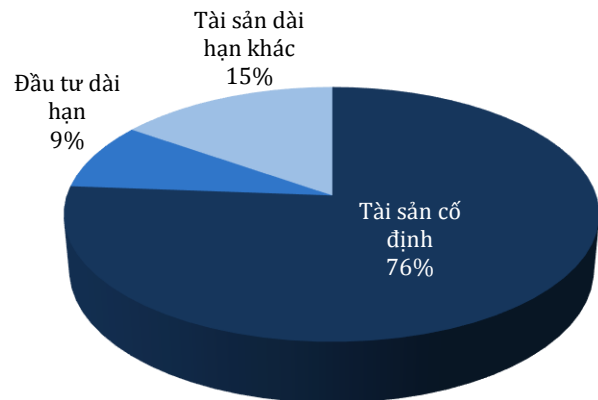
Chỉ tiêu	ĐVT	2013		2014		2014/2013
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	triệu đồng	473.642	72%	425.851	67%	-10,09%
Tài sản dài hạn	triệu đồng	184.136	28%	211.218	33%	14,71%
Tổng tài sản	triệu đồng	657.778	100%	637.069	100%	-3,15%

Năm 2014, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 637 tỷ đồng, giảm nhẹ (-3,15%) so với giá trị tài sản năm 2013. Sự sụt giảm này là do tổng giá trị tài sản ngắn hạn giảm mạnh, giảm hơn 10% so với cùng kỳ. Cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển nhẹ sang tài sản dài hạn.

Xét về cơ cấu mỗi nhóm tài sản, tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn cụ thể như sau:



Cơ cấu tài sản ngắn hạn

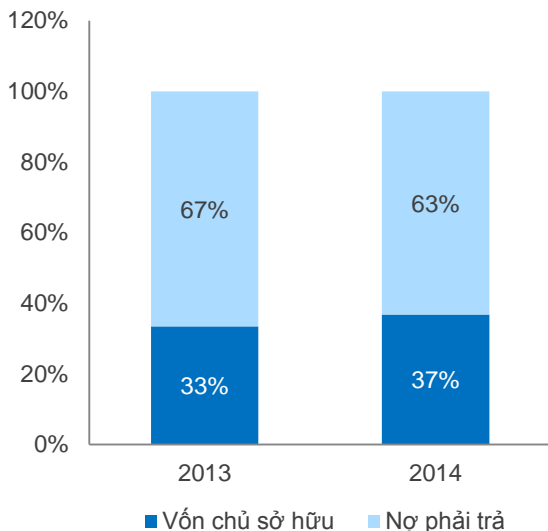


Cơ cấu tài sản dài hạn

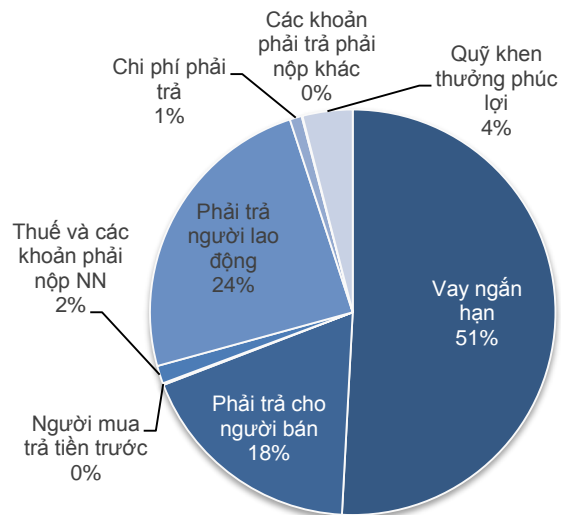


**Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	2013		2014		2014/2013
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	421.983	100,0%	389.346	99,8%	-7,73%
Nợ dài hạn	-	-	586	0,2%	-
Tổng nợ phải trả	421.983	100,0%	389.932	100,0%	-7,6%



**Cơ cấu nguồn vốn 2014**



**Cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn 2014**

Tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn duy trì ở mức trên 60% qua các năm là do công ty sử dụng đòn bẩy tài chính tài trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Xét về cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn, Vay và nợ ngắn hạn luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ lệ 51% năm 2014.

**Về tình trạng nợ phải trả xấu**

Chỉ tiêu	Tuổi nợ dưới 1 năm (Triệu đồng)		Tuổi nợ trên 1 năm (Triệu đồng)	
	2013	2014	2013	2014
Các khoản vay	214.002	197.977	-	586
Phải trả người bán	91.910	71.315	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.853	237	-	-
Tổng cộng	307.765	269.530	-	586

Hầu hết các nghĩa vụ nợ của Công ty đều đang trong hạn. Không có nợ quá hạn và Công ty có đủ khả năng để tiếp cận các nguồn vốn cần thiết cũng như đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn.





**Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá**

Trong năm 2014, các khoản mục tài sản/nợ phải trả có gốc ngoại tệ của May Sài Gòn như sau:

Chỉ tiêu	2013		2014	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và tương đương tiền	2.151.140	3.426	1.705.176	3.415
Phải thu khách hàng	3.938.042	-	6.422.950	-
Phải trả người bán	2.052.816	-	2.390.586	-
Vay nợ	10.151.905	-	9.296.019	-
Đặt cọc	-	-	14.200	-

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng USD. Tuy nhiên, do áp dụng hình thức mua bán ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết nên rủi ro biến động tỷ giá đối với công ty được duy trì ở mức thấp.

**Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2013	2014
Vay ngắn hạn	Triệu đồng	214.002	197.977
Vay dài hạn	Triệu đồng	0	586
Chi phí lãi vay	Triệu đồng	6.561	5.277
Chi phí lãi vay/ doanh thu thuần	%	0,54%	0,37%

Năm 2014, tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần chỉ 0,37%. Đây là mức thấp và thể hiện khả năng tác động của biến động lãi suất đối với kết quả kinh doanh của công ty là khá thấp.

## TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

Trong năm 2014, Công ty đã có nhiều hoạt động ý nghĩa, thể hiện trách nhiệm vì cộng đồng:

- Phát động thi đua tháng công nhân khen thưởng cho các cá nhân và tập thể đạt thi đua “**vượt qua chính mình**” có **106** công nhân May, **40** công nhân phụ trợ, **29** nhân viên nghiệp vụ, **26** tổ may, **3** tổ phụ trợ, tổng số tiền khen thưởng **49.500.000 đồng**.
- Khen thưởng thi đua sản xuất Lean **6.300.000 đồng**.
- Xét nâng bậc Lương cho khối trực tiếp **632 công nhân** – khối gián tiếp **75 nhân viên** áp dụng 01/7/2014.
- Hỗ trợ cho công nhân Nguyễn Trung Hậu Công nhân tổ Lean An phú bị bệnh hiểm nghèo **10.000.000 đồng**.
- Khen thưởng Đoàn viên xuất sắc phụ nữ 2 giải: **148.690.000 đồng**.
- Đề xuất chăm lo thêm xuất ăn tăng ca cho NLD tháng 4,5 /2014: **145.260.229 đồng**.
- Chi bồi dưỡng bữa ăn giữa ca với tổng chi phí là **87.715.870 đồng**.
- Nhân dịp các ngày lễ như ngày gia đình việt nam, 8/3, quốc tế thiếu nhi, 20/10, Công ty đã tổ chức các hội thi ý nghĩa với tổng giá trị đến **271.070.000 đồng**.
- Phát quà và phát học bổng Nguyễn Đức cảnh: **69.620.000 đồng** ( trong đó trao **44** suất học bổng Nguyễn Đức cảnh trị giá **400.000 đồng/ suất** )
- Chi ủng hộ vì biển đông **200.000.000 đồng**.
- Chi tiền giữ trẻ cho công nhân có con nhỏ năm 2014: **156.950.000đ** và tiền xăng cho công nhân ở xa: **836.512.950 đồng**.
- Chính quyền ủng hộ xây nhà tình nghĩa cho tỉnh Long An “ Chung sức xây dựng nông thôn mới “**60.000.000 đồng**.
- Đóng góp cho công đoàn cấp trên để ủng hộ biển đảo **50.000.000 đồng**.
- Ủng hộ cho Đảo lý sơn xây dựng 01 căn nhà: **40.000.000 đồng**.
- Tổ chức giải bóng đá Garmex lần 3 với kinh phí: **50.600.000 đồng**.
- Tổ chức phong trào văn nghệ “tiếng hát Garmex lần 2”: **69.778.000 đồng**.
- Chăm lo cho lao động nữ đơn thân nuôi con: tổng số 57 cháu với kinh phí **24.900.000 đồng / tháng** thực hiện từ tháng 10/2014.
- Đóng góp cho lữ đoàn tàu ngầm 189 tại Cam Ranh **300.000.000 đồng**.
- Công Đoàn và Đoàn Thanh niên tổ chức quyên góp người lao động đi thăm và tặng quà cho trường khuyết tật tại Cần giờ **50.000.000 đồng**.



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## Bối cảnh chung năm 2015

Kinh tế Việt nam hội nhập sâu hơn với nền kinh tế toàn cầu đem đến những cơ hội lẫn thách thức đan xen diễn biến khó lường. Trước bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể sẽ phải đương đầu với không ít thách thức:

- o Cạnh tranh lao động ngày càng trở nên khốc liệt: Khi các hiệp định có hiệu lực thì các Doanh nghiệp FDI sẽ đầu tư vào Việt Nam, lao động Việt Nam có thể dịch chuyển đến các nước ASEAN để làm việc, các ngành kinh tế khác trong nước sẽ phục hồi, theo đó sẽ thu hút phần lớn lao động.
- o Cạnh tranh về giá: Giá gia công giảm, giá đầu vào giảm làm ảnh hưởng đến Lợi nhuận FOB của Công ty.
- o Các tiêu chuẩn quốc tế như Trách nhiệm xã hội, các tiêu chuẩn về môi trường, điều kiện làm việc, tiêu chuẩn về đảm bảo an toàn lao động... ngày càng khắt khe hơn, các chi phí phát sinh do hoạt động đánh giá có chiều hướng gia tăng.

Đứng trước những thách thức đó, Công ty cần phải ưu tiên ổn định sản xuất đảm bảo việc làm và tiếp tục cải tiến sản xuất hoàn thiện chuyên lean, hệ thống lương, quản lý kết hợp tăng cường đầu tư thiết bị chuyên dùng, kỹ năng lao động, ... nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất đồng thời đầu tư mở rộng sản xuất, khai thác tối đa nguồn lực sẵn có của Công ty và tìm kiếm cơ hội để thực hiện M&A, phát triển năng lực mới. Phát huy lợi thế FOB, đầu tư chiều sâu nâng cao giá trị hiệu quả, như: wash, in, thêu, phương tiện vận tải. Điều chỉnh chiến lược sản phẩm theo hướng nâng cao hàm lượng kỹ thuật, giá trị gia tăng FOB đồng thời xúc tiến, phát triển phương thức ODM để khai thác cơ hội mới cũng như định hình lợi thế cạnh tranh trong tình hình mới.

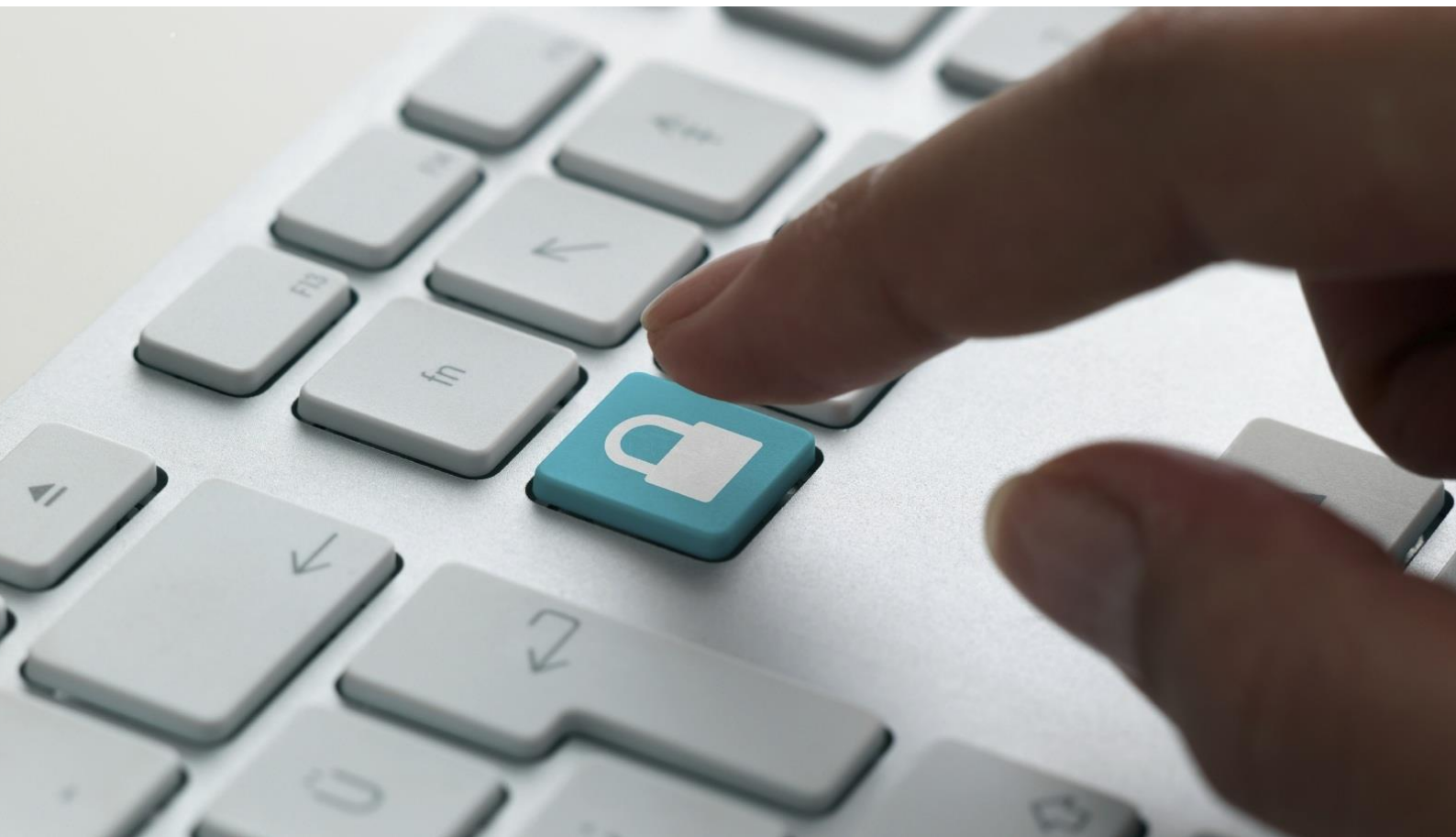
## Một số chỉ tiêu kế hoạch

- o Doanh thu FOB : USD 70.285.844 tương đương khoảng 1.500 tỷ đồng
- o Lợi nhuận trước thuế : 75 tỷ đồng

## Các giải pháp

- o **Tăng năng lực sản xuất:** Nhằm đón đầu khi các hợp định thương mại có hiệu lực và thực hiện chiến lược dành cho khách hàng Columbia 60% năng lực sản xuất từ năm 2017. Garmex Saigon dự kiến sẽ tăng năng lực theo hai hướng: **Một là** đầu tư mở rộng năng lực sản xuất: tăng thêm 10 lines mỗi năm từ 2015 đến 2017; **Hai là** cải tiến liên tục.
- o **Tăng năng lực cạnh tranh:** Thực hiện thành công chuyên LEAN, Hoàn thiện bộ máy quản lý từ kinh doanh đến sản xuất, nâng cao kỹ năng làm việc cho tất cả các lao động, đặc biệt là nguồn nhân lực ở bộ phận kinh doanh, điều hành sản xuất, kỹ thuật..., tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xây dựng chính sách tiền lương linh hoạt.
- o **Tăng khả năng và điều kiện để xúc tiến** trực tiếp tại thị trường Mỹ theo nguyên tắc: chủ động và xây dựng bộ máy hoàn chỉnh từ thiết kế đến kinh doanh.





# **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc  
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014

Môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh của Garmex Saigon trong năm 2014 có những nét chính như sau:

- Hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh thị trường Hoa Kỳ phục hồi nhưng chưa vững chắc, thị trường Châu Âu, Nhật Bản vẫn còn ảm đạm, sức mua yếu, nợ công ám ảnh.
- Tình hình trong nước, lạm phát được kiềm chế, điều hành chính phủ sát sao, tiệm cận với chuẩn mực quốc tế nhưng sức mua vẫn yếu, lòng tin chưa hồi phục, ảnh hưởng đến thị trường nội địa của Công ty.
- Năm 2014 là năm khởi động nhiệm kỳ 3, bắt đầu bằng việc bầu lại HĐQT với 7 thành viên, trong đó có 3 thành viên mới. Về cơ cấu, có 4 thành viên nội bộ và 3 thành viên bên ngoài, Chủ tịch HĐQT và PCT HĐQT kiêm TGD nhiệm kỳ 2 cùng tái đắc cử. Ban kiểm soát cũng được bầu lại với 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên mới, và 2 KSV bên ngoài. Về BTGD cơ cấu lại từ 4 thành viên còn 3 thành viên và bổ nhiệm Giám đốc tài chính.

Trước bối cảnh chung như vậy, với nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo Công ty cùng tập thể đội ngũ Cán bộ Công nhân viên của Garmex Saigon, Công ty đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận:

- Công ty đã nỗ lực cải tiến sản xuất, đầu tư 20 tỷ đồng thiết bị chuyên dùng, góp phần đưa năng suất lao động bình quân đạt mức 13,77\$/công, doanh thu thực hiện 1.423 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 74 tỷ đồng, tăng 14,22% so với kết quả đạt được năm 2013. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn một số hạn chế khi trong năm phải sản xuất một số chủng loại sản phẩm đơn giản như quần bơi, giảm lợi thế cạnh tranh so với định hướng chiến lược sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao của Công ty;
- Đạt được kết quả trên ngoài nỗ lực của tập thể Công ty, còn có vai trò giám sát, điều hành của HĐQT, Ban TGD khi dự báo chính xác diễn biến thị trường, kịp thời chỉ đạo phát triển khách hàng mới, điều chỉnh tỷ lệ khách hàng Hoa Kỳ từ 33,17% trong năm 2013 lên 51,7%, bù đắp kịp thời khách hàng chính Châu Âu bị sụt giảm từ 49,75% năm 2013 còn 39,8%. Chủ động thiết kế chào hàng nội địa để giảm chi phí hỗ trợ lương cho người lao động mùa thấp điểm. Bên cạnh đó là tập trung cải tiến chuyên lean, tổ chức lại lực lượng thiết kế, qui trình công nghệ và triển khai kỹ thuật nhằm tăng tính liên kết, hợp tác và thực tiễn khi chuẩn bị sản xuất.
- Hoạt động sản xuất ổn định, hiệu quả, kết hợp dòng tiền luân chuyển đều đặn góp phần củng cố vị thế Công ty trong hệ thống tín dụng nên nguồn vốn lưu động luôn dồi dào, tín dụng ưu đãi và hạn mức cao.

Doanh thu **1.423** tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế **74** tỷ đồng

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



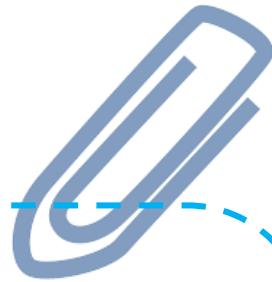
### Thành tựu của Ban tổng giám đốc trong năm 2014

Ban Tổng giám đốc đã triển khai đầy đủ, chặt chẽ Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên 2014: thực hiện phân bổ lợi nhuận từng năm, thực hiện chi trả cổ tức, triển khai công tác tổ chức sản xuất, kinh doanh theo định hướng chỉ tiêu đã đề ra...

- ✓ Thực hiện theo lộ trình việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 3 năm 2013, nâng vốn điều lệ lên 116,9 tỷ đồng.
- ✓ Đảm bảo tiến độ thực hiện giai đoạn 2 đối với xí nghiệp may Tân Mỹ với tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản hơn 20 tỷ đồng.
- ✓ Tiếp tục cải tiến chuyên lean, kết hợp đầu tư thiết bị để nâng cao năng suất lao động;
- ✓ Tái cơ cấu bộ phận thiết kế mẫu mã, xây dựng quy trình và triển khai sản xuất;
- ✓ Tăng cường nhân sự cấp cao về quản lý chất lượng, rà soát hoàn chỉnh hệ thống quản lý Công ty;
- ✓ Thay đổi nhân sự quản lý điều hành Công ty may Sài Gòn Xanh, kết hợp hoạch định lại khách hàng, thay đổi mô hình quản lý... đã nâng doanh thu tăng gấp 7 lần, giảm lỗ 50% so với cùng kỳ.







#### Những hạn chế còn tồn tại...

- ✓ Tốc độ tăng trưởng và hiệu quả đã chậm lại so với những năm trước. Tăng trưởng kết quả hoạt động so với cùng kỳ chỉ đạt 14% trong khi 10 năm trước, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt hơn 20%/năm. Theo đó, các chỉ tiêu ROA, ROE, EPS đều có xu hướng giảm sút so với cùng kỳ.
- ✓ Chưa thực hiện tốt chính sách phát triển “Đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường nên vẫn gặp khó khăn trong sản xuất “mùa vụ”;
- ✓ Hoạch định nguồn nhân lực không theo kịp với yêu cầu phát triển, diễn biến tình hình của môi trường kinh doanh nên nhiều chiến lược, mục tiêu phát triển chưa đạt yêu cầu như: nhân sự quản lý sản xuất cơ sở, nhân sự kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ xúc tiến khách hàng LLC, nhân sự quản lý cấp cao...;
- ✓ Nhân sự kỹ thuật, nghiệp vụ nhiệt tình nhưng tư duy chưa chuyên nghiệp, làm việc theo kinh nghiệm, chưa chú trọng tư duy, phân tích, dự báo và nhận thức rủi ro còn hạn chế;
- ✓ Hệ thống vận hành chưa hiệu quả, chất lượng chưa thực sự nổi trội; chưa đạt kỳ vọng của khách hàng.

## KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG

### Triển vọng 2015

#### Bối cảnh thế giới

Năm 2015 là năm kết thúc và chuẩn bị kết thúc đàm phán của các Hiệp định Thương Mại giữa Việt Nam với các nước khu vực cũng như chuẩn bị hình thành khu vực mậu dịch chung AEC vào 2016. Năm 2015 và những năm tới tình hình kinh tế tại các thị trường truyền thống Châu Âu, Nhật bản có hiện tượng chững lại và bắt đầu suy thoái khi kinh tế Pháp còn bế tắc, kinh tế Đức chỉ còn tăng trưởng 1%, nợ công vẫn ám ảnh. Thị trường Hoa Kỳ trong xu hướng ổn định và phát triển qua việc Cục dự trữ liên bang chấm dứt chương trình cứu trợ kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp giảm; Sự 'hợp nhất' lưỡng viện về Đảng Cộng hòa, hy vọng chính trị sẽ ổn định, kinh tế sẽ tiếp tục tốt hơn; Diễn biến địa chính trị Ucraina, IS chưa có điểm dừng, tác động đến giá dầu hỏa, đầu vào của nguyên liệu may mặc gốc hóa dầu.

#### Tình hình trong nước

Những động thái quyết liệt trong điều hành, tư duy trong đánh giá kết quả theo chuẩn mực Quốc tế cùng những tích cực trong quan điểm xây dựng luật (đầu tư, doanh nghiệp,...) của chính phủ đem lại niềm tin cho Doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó là những tác động tiêu cực khi chúng ta ngày càng hội nhập sâu với kinh tế toàn cầu. Giá dầu giảm dẫn đến thâm hụt ngân sách hay rủi ro về chính sách ngoại tệ (tỷ giá, tín dụng, lãi suất tradecarde do lãi suất tại Mỹ sẽ tăng; đồng Đô La mạnh hơn làm giảm lợi thế cạnh tranh tại các thị trường truyền thống khác, như EU, Nhật Bản...); thị trường hóa năng lượng, lao động, vật tư thiết yếu theo lộ trình WTO gia tăng sức ép chi phí đầu vào; Các doanh nghiệp FDI tăng tốc đầu tư đón đầu hội nhập, cạnh tranh lao động càng trở nên gay gắt;...

Trước bối cảnh trong nước và thế giới chung như vậy, Hội đồng Quản trị Công ty nhận định những cơ hội cũng như thách thức Garmex Saigon sẽ đối mặt:

- Giá đầu vào nhiều loại vật tư khả năng giảm theo giá dầu thế giới, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Một số chi phí đầu vào tăng theo cam kết hội nhập, như năng lượng, vật tư cơ bản, lương cơ bản...;
- FDI gia tăng đầu tư, dòng tiền usd dồi dào nên xu thế đồng usd mạnh có thể ko gây xáo trộn tình hình tỷ giá USD/VND. Giá trị đồng Euro, Yên giảm sẽ tác động đến thị trường xuất khẩu khi Công ty chỉ thanh toán bằng đồng dollar;
- FDI và một số DNVN lớn đầu tư khép kín đón đầu TPP sẽ tạo cho họ lợi thế cạnh tranh (giá cả, lao động, xuất xứ,...) khi đó, đơn hàng sẽ dồi dào hơn do có xuất xứ phù hợp; Cạnh tranh không chỉ trong ngành mà còn diễn ra trên phạm vi rộng hơn: toàn quốc, các nước trong khu vực...
- Cạnh tranh nguồn Cung nguyên phụ liệu sẽ gay gắt hơn khi sức cầu tăng vào những năm Hiệp định thương mại có hiệu lực trong khi công nghiệp hỗ trợ chưa đc chú trọng đầu tư đúng mức.
- Các Doanh nghiệp trong nước chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh, chuyển đổi phương thức kinh doanh từ gia công sang FOB.





### Chương trình hoạt động 2015

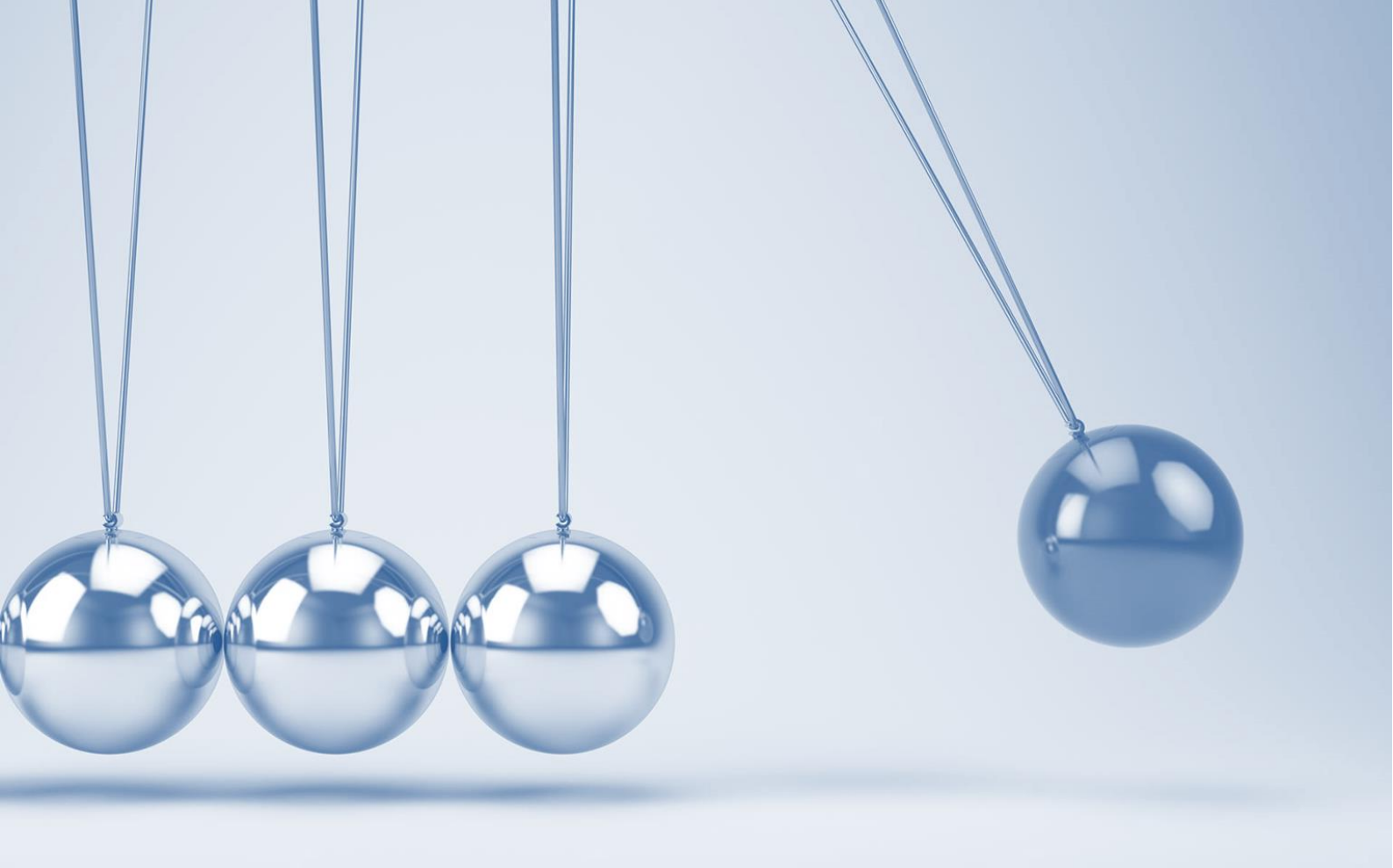
2015 được coi là năm 'tổng diễn tập' chuẩn bị đón đầu vận hội mới, tạo tiền đề tăng trưởng cho những năm sau. Hội đồng quản trị định hướng những nội dung, chương trình hành động gồm:

- **Cơ cấu lại thị trường xuất khẩu:** Theo dõi chặt chẽ diễn biến các thị trường truyền thống, chủ động đàm phán, xúc tiến điều chỉnh cơ cấu thị trường xuất khẩu theo hướng phân bổ năng lực sản xuất mới cho thị trường Hoa Kỳ, tiến tới hình thành cơ cấu Hoa Kỳ từ 45% đến 60% năng lực sản xuất, Châu Âu từ 30% đến 40% và các thị trường khác, bao gồm các thị trường xuất khẩu Việt Nam đã ký Hiệp Định Thương Mại (Hàn quốc; Úc; Châu Á – Châu Âu...) và nội địa từ 10% đến 20%.
- **Hoạch định nguồn lực** thực hiện chiến lược Công ty theo hướng tạo hiệu ứng nguồn lực, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả nguồn lực. Dự kiến sẽ mở rộng quy mô tăng năng lực sản xuất theo lộ trình: năm 2015 đầu tư 6 chuyên; năm 2016: đầu tư 6 chuyên; năm 2017: đầu tư 12 chuyên và 2018: 10 chuyên. Với tổng giá trị đầu tư thiết bị gần 3 triệu usd cho 34 chuyên may. Như vậy, ước tính với 94 chuyên may toàn Công ty sẽ tạo ra doanh thu sản xuất hơn 2.500 tỷ, cộng thêm doanh thu từ dịch vụ thương mại, có khả năng sẽ hoàn thành chỉ tiêu 3.000 tỷ vào 2018.
- **Hợp nhất Công ty TNHH Sài Gòn Xanh (SGX)** là một phần của phát triển năng lực sản xuất và thực hiện cam kết hợp tác chiến lược với Khách hàng Columbia, Hoa Kỳ. Sau giai đoạn hoạt động thử nghiệm, SGX đã đi vào ổn định và có nguồn lực thích hợp chiến lược phát triển của Công ty. Ngày 10.4.2015, HĐQT sau nhiều phiên thảo luận đã biểu quyết mua lại phần vốn góp của đối tác tại SGX, chuyển Công ty TNHH Sài Gòn Xanh thành Công ty do Garmex Saigon sở hữu 100% vốn. Việc hợp nhất sẽ tạo điều kiện Hà Lam tiếp tục được đầu tư, nâng lên 20 chuyên vào những năm cuối nhiệm kỳ 3 để sản xuất hàng Columbia theo phương thức FOB. Bên cạnh đó, Garmex Saigon sẽ sử dụng chi nhánh BSG.LLC xúc tiến khách hàng mới tại thị trường Hoa Kỳ theo chiến lược phát triển của Công ty, tìm kiếm cơ hội chuyển nhượng thương hiệu để tiến tới hình thành chuỗi "thiết kế, sản xuất, phân phối" nhằm giảm thiểu rủi ro "mùa vụ", phát triển phương thức ODM, tạo tiền đề cho Công ty phát triển dịch vụ nhà thầu phụ và nâng cao hiệu quả đầu tư.
- **Dự án 213 Hồng Bàng:** Tiến hành các thủ tục theo luật định để chuyển quyền sử dụng đất theo chỉ đạo của UBND Tp. Hồ Chí Minh. Lập phương án hợp tác Trường Đại Học Y Dược đầu tư thành lập Doanh nghiệp bệnh viện Đại Học Y Dược.

### Các Giải pháp 2015

- **Chuyên nghiệp hóa bộ máy** sẽ là giải pháp trọng tâm và xuyên suốt trong 2015 và những năm còn lại của nhiệm kỳ 3. Chuyên nghiệp hóa sẽ có những mục tiêu, nội hàm, tiêu chí đánh giá cùng các giải pháp xây dựng cụ thể. Có thể nói, đây là giải pháp mang tính quyết định sự thành công của chiến lược phát triển Cty trước tình hình mới;
- **Định hình cơ chế giám sát** đầu tư, tổ chức thực hiện nghị quyết ĐHCĐ hay HĐQT với yêu cầu đảm bảo 'làm đúng ngay từ đầu', trong đó xem trọng công tác kiểm toán nội bộ;
- **Tạo sự đồng thuận, đồng hành** trong quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro. Diễn biến tình hình kinh tế càng phức tạp càng phải xem trọng công tác dự báo, phòng ngừa/quản lý/giám sát rủi ro;
- **Nỗ lực đổi mới công tác xúc tiến** nhằm chuyển đổi cơ cấu thị trường, thực thi chiến lược sản phẩm, nâng cao lợi thế cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro "mùa vụ" và thúc đẩy dịch vụ thương mại phát triển theo mô hình đã định. Trong xúc tiến, ko chỉ PR mà còn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển mẫu, bố trí sản xuất của k/h. Trong hệ thống xúc tiến, BSG.LLC là sự lựa chọn tích cực để trực tiếp phát triển nguồn khách Hoa Kỳ, giảm thiểu rủi ro thị trường khác; xây dựng chuỗi "thiết kế-sản xuất-tiêu thụ" để tiếp cận người tiêu dùng của thị trường này, ko chỉ của GMSG mà tiến tới phát triển thị trường cho các đồng nghiệp khác.





# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH và BKS

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	329.755	2,82%
2	Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT	285.441	2,44%
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	19.247	0,16%
4	Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Thành viên HĐQT	9.079	0,08%
	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	1.265.690	10,83%
	<i>Sở hữu cá nhân</i>		392.070	3,35%
5	<i>Đại diện sở hữu Công ty TNHH Á Châu</i>		436.810	3,74%
	<i>Đại diện sở hữu Công ty TNHH Tân Á</i>		436.810	3,74%
6	Ông Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	1.912.686	16,36%
	Bà Phan Thị Phượng	Thành viên HĐQT	1.173.289	10,04%
7	<i>Đại diện sở hữu vốn Nhà nước</i>		1.173.289	10,04%

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

#### Tiểu ban Đầu tư - Tài chính

- Ông Lê Quang Hùng

#### Tiểu ban Chiến lược - Phát triển

- Ông Lâm Quang Thái

#### Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng

- Bà Nguyễn Thị Thu Hương

#### Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

- Bà Phan Thị Phượng

HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ qui định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua.

Trong năm 2014, Garmex Sai Gon đã tổ chức 06 cuộc họp và ban hành 6 Nghị quyết và Quyết định cụ thể:

STT	Số Nghị quyết	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	Về việc thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013
2	12/NQ-HĐQT	Về việc lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 3/2013
3	13/NQ-HĐQT	Chuẩn y kết quả bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên HĐQT, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT phụ trách các tiểu ban trực thuộc nhiệm kỳ III (2014-2018)
4	19/QĐ-HĐQT	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc tài chính đối với bà Nguyễn Thị Minh Hằng
5	29/NQ-HĐQT	Về việc thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014
6	34/NQ-HĐQT	Chiến lược phát triển Công ty

**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Không có

**Hoạt động của Tiểu ban Hội đồng quản trị**

Tiểu ban Phát triển chiến lược phối hợp với các Tiểu ban đầu tư – Tài chính và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thảo luận, thông qua các vấn đề sau:

- o Đóng góp hoàn chỉnh Báo cáo hoạt động HĐQT nhiệm kỳ II (2009 – 2013) và Phương hướng nhiệm kỳ III (2014 – 2018) trình ĐHĐCĐ thường niên 2014
- o Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 121/2012/TT-BTC
- o Đóng góp hoàn chỉnh Nghị Quyết HĐQT về Chiến lược phát triển công ty nhiệm kỳ III
- o Đóng góp hoàn chỉnh Quy chế quản trị Công ty nhiệm kỳ III gồm 7 chương, 34 điều
- o Thảo luận chủ trương về phương án đầu tư dự án 213 Hồng Bàng, Quận 5
- o Thông qua chủ trương mở rộng sản xuất XN May An Phú
- o Thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận hợp nhất năm 2015
- o Thảo luận phương án tài chính phục vụ Chiến lược phát triển Công ty nhiệm kỳ III

**Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Lâm Tử Thanh





## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Lê Thị Chín	Trưởng BKS	-	-
2	Lâm Quan Kiêu Phương	Thành viên BKS	2	0,00
3	Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên BKS	81	0,00

### Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

STT	Thời gian	Nội dung
1	06/06/2014	Họp ban kiểm soát về tình hình kinh doanh Quý I/2014
2	23/9/2014	Kiểm tra tình hình thực tế 6 tháng đầu năm tại Văn phòng Công ty
3	18/10/2014	Tham gia họp với HĐQT đánh giá, thảo luận tình hình hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm
4	31/1/2015	Tham gia họp với HĐQT đánh giá, thảo luận Kết quả kinh doanh năm 2014

Hoạt động chung của BKS trong năm 2014 là giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, việc tuân thủ điều lệ, quy định hiện hành trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh.

### Đánh giá của Ban kiểm soát

#### Kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

Sau Đại hội cổ đông nhiệm kỳ III, Hội đồng quản trị đã hợp triển khai:

- Bổ nhiệm nhân sự trong Ban điều hành Công ty nhiệm kỳ III năm 2014-2018.
- Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất và kế hoạch kinh doanh của công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định, tất cả các thành viên đều tham gia, không có thành viên nào vắng mặt.
- Quyết định của Hội đồng quản trị được thảo luận, tranh luận một cách dân chủ, thẳng thắn, không vị nể và thông qua khi đa số thành viên dự họp chấp thuận.
- Hội đồng quản trị hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế cơ bản mà Đại hội đồng cổ đông giao.
- Trong quá trình kiểm soát chưa phát hiện Hội đồng quản trị và Ban điều hành làm trái với các quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của luật pháp hiện hành.

#### Nhận xét, đánh giá

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty khi có yêu cầu.
- Hoạt động của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và ban điều hành được phối hợp chặt chẽ cởi mở, đoàn kết trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy chế quản trị công ty nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

## GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2013-2014

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng cộng (đồng)	Lưu ý
1	Lê Quang Hùng	CT. HĐQT chuyên trách	1.362.511.445	
2	Nguyễn Ân	Phó CT. HĐQT - TGD	1.881.518.932	
3	Đỗ Thị Kim Nhân	Phó TGD	907.607.879	
4	Nguyễn Thị Thu Hương	TV HĐQT - Phó TGD	1.065.607.778	
5	Nguyễn Minh Hằng	TV HĐQT - Giám đốc Tài chính	862.356.668	
6	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	217.630.747	
7	Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	93.104.705	
8	Phan Thị Phương	Thành viên HĐQT	93.104.705	
9	Lê Thị Chín	Trưởng Ban KS	143.985.160	
10	Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên BKS	563.964.113	
11	Lâm Quan Kiều Phương	Thành viên BKS	24.501.238	Được bổ nhiệm từ tháng 4/2014
12	Liêu Sanh Thu Cúc	Thành viên BKS	30.802.314	Hết nhiệm kỳ từ 4/2014
13	Thanh Thị Huệ	Thành viên HĐQT	87.463.950	Hết nhiệm kỳ từ 4/2014

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lí do tăng, giảm
		Số cp	Tỉ lệ	Số cp	Tỉ lệ	
Lâm Quang Vinh	Cổ đông lớn, em của Lâm Quang Thái	816.150	7,67%	0	0	Bán cổ phiếu
Lâm Quang Thái	Cổ đông lớn, TV.HĐQT	1.748.288	16,44%	2.112.686	18,07%	Mua đầu tư

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch trong năm 2014 (VNĐ)
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Phí duy trì hạ tầng, xử lý nước thải, nước sinh hoạt	60.006.614
Công ty TNHH B&O	Mua nguyên phụ liệu và phí gia công	2.272.727.273
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Mua hàng	2.897.612.168
	Bán hàng	21.237.349.989
Công ty TNHH Con đường xanh Quảng Nam	Phí gia công in, wash	2.223.687.296
	Bán hàng	7.939.494.856

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả công việc. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.







# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2014**

Ý kiến Cơ quan kiểm toán

Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính



Số. 77/2015/BCKTHN-HCM.08043.01

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 03 năm 2014.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
2111-2013-009-1

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
1180-2014-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>425.851.487.842</b>	<b>473.641.577.297</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>39.968.106.554</b>	<b>52.374.491.958</b>
Tiền	111		38.968.106.554	52.374.491.958
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>182.948.407.098</b>	<b>165.030.757.499</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	164.531.345.349	143.372.114.856
Trả trước cho người bán	132	4.3	13.265.779.345	18.610.312.225
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	5.151.282.404	3.048.330.418
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>187.398.302.850</b>	<b>240.776.845.919</b>
Hàng tồn kho	141		187.398.302.850	240.776.845.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	4.6	<b>15.536.671.340</b>	<b>15.459.481.921</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	38.400.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.954.698.180	13.887.086.422
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		202.625.179	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		379.347.981	1.533.995.499





	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>211.218.045.578</b>	<b>184.135.660.110</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.728.361</b>	<b>25.728.361</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		25.728.361	25.728.361
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>160.918.378.043</b>	<b>135.971.161.424</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	148.960.722.129	122.011.200.583
Nguyên giá	222		262.086.492.962	219.192.189.652
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.125.770.833)	(97.180.989.069)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	89.490.914	125.654.546
Nguyên giá	228		173.320.965	173.320.965
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.830.051)	(47.666.419)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	11.868.165.000	13.834.306.295
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17.968.865.400</b>	<b>17.814.505.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.10	4.341.000.000	4.341.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.11	17.314.330.000	17.289.920.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.11	(3.686.464.600)	(3.816.415.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.305.073.774</b>	<b>30.324.265.325</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	31.597.788.181	29.983.884.520
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		402.973.593	35.044.805
Tài sản dài hạn khác	268	4.13	304.312.000	305.336.000
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>637.069.533.420</b>	<b>657.777.237.407</b>



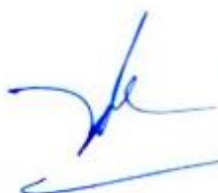
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>389.932.430.540</b>	<b>421.982.763.463</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>389.346.525.740</b>	<b>421.982.763.463</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.14	197.977.070.660	214.002.154.665
Phải trả cho người bán	312	4.15	71.315.087.172	91.909.608.062
Người mua trả tiền trước	313	4.16	536.543.688	5.960.310.374
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.17	5.559.424.290	11.863.119.135
Phải trả công nhân viên	315	4.18	94.421.270.541	83.106.997.102
Chi phí phải trả	316	4.19	3.736.577.828	4.868.667.823
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.20	263.467.312	700.867.358
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.21	15.537.084.249	9.571.038.944
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>585.904.800</b>	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.22	585.904.800	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>227.492.690.288</b>	<b>212.561.487.683</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.23	<b>227.492.690.288</b>	<b>212.561.487.683</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116.903.300.000	106.324.310.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		9.138.322.370	9.178.322.370
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(863.138.686)	(863.138.686)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		78.827.213	(8.058.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		49.070.226.933	41.286.294.154
Quỹ dự phòng tài chính	418		10.632.431.000	8.868.571.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		42.532.721.458	47.775.186.845
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>LỢI ÍCH CỦA CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	4.24	<b>19.644.412.592</b>	<b>23.232.986.261</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>637.069.533.420</b>	<b>657.777.237.407</b>



<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	Thuyết minh	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.791.165.064	826.637.808
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		8.250.977.000	9.901.754.000
Nợ khó đòi đã xử lý			-
Ngoại tệ các loại			
- USD	4.1	1.705.176,16	2.151.140,25
- EUR	4.1	3.415,53	3.426,45
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-



**TRẦN THỊ THU TRÂM**  
Người lập biểu




**NGUYỄN MINH HẰNG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN ÂN**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015



	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>1.409.984.011.385</b>	<b>1.229.202.727.908</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		505.431.352	723.257.271
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>1.409.478.580.033</b>	<b>1.228.479.470.637</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	1.201.404.440.645	1.062.371.948.608
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>208.074.139.388</b>	<b>166.107.522.029</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	13.728.526.797	16.049.327.930
Chi phí tài chính	22	5.4	10.981.671.401	13.418.629.972
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		5.277.265.591	6.651.214.019
Chi phí bán hàng	24	5.5	21.509.592.579	18.633.069.776
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	115.432.422.301	90.818.140.095
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>73.878.979.904</b>	<b>59.287.010.116</b>
Thu nhập khác	31	5.7	458.472.689	5.799.467.667
Chi phí khác	32		11.213.107	15.416.664
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>447.259.582</b>	<b>5.784.051.003</b>
<b>Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>74.326.239.486</b>	<b>65.071.061.119</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	17.786.178.530	15.807.562.206
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(367.928.788)	(35.044.805)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>56.907.989.744</b>	<b>49.298.543.718</b>
<i>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	61	4.24	(3.588.573.669)	(7.732.973.739)
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	62		60.496.563.413	57.031.517.457
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	5.9	<b>5.435</b>	<b>6.124</b>



**TRẦN THỊ THU TRÂM**  
Người lập biểu




**NGUYỄN MINH HẰNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN ÂN**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015



	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>74.326.239.486</b>	<b>65.071.061.119</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.646.754.935	14.972.144.612
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(129.950.400)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	123.356.599	144.727.594
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(840.636.823)	(2.453.435.654)
Chi phí lãi vay	06	5.277.265.591	6.651.214.019
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>95.403.029.388</b>	<b>84.385.711.690</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(27.960.794.361)	(50.119.833.614)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	53.378.543.069	(68.561.770.714)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(15.796.868.047)	79.923.857.925
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.575.503.661)	(13.542.650.490)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.277.265.591)	(6.651.214.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(24.399.332.960)	(8.597.094.704)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	833.247.500	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(11.658.935.116)	(12.503.329.345)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>62.946.120.221</b>	<b>4.333.676.729</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.067.012.436)	(57.288.941.439)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	178.727.273	1.834.981.818
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	637.499.550	633.870.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(31.250.785.613)</b>	<b>(54.820.089.121)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	21.061.270.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	725.149.568.777	754.518.700.828
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(741.204.772.980)	(678.723.524.910)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.027.265.600)	(24.684.899.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(44.082.469.803)</b>	<b>72.171.546.418</b>





	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(12.387.135.195)</b>	<b>21.685.134.026</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>52.374.491.958</b>	<b>30.672.923.993</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(19.250.209)	16.433.939
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>39.968.106.554</b>	<b>52.374.491.958</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 3.286.822.900 đồng (2013: 3.746.411.126 đồng) giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trong năm 2014, Công ty Mẹ đã công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông với số tiền là 10.578.990.000 đồng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trong báo cáo trên.

**TRẦN THỊ THU TRÂM**  
Người lập biểu

**NGUYỄN MINH HÀNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN ÂN**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015





## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, hai công ty con và một công ty liên kết, cụ thể như sau:

#### Công ty Mẹ

Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn ("Công ty Mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản Xuất Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 05 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 030074238 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty Mẹ đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của công ty Mẹ là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà. Cho thuê xưởng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Công nghiệp dệt len các loại;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải và các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- (Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật đầu tư và Pháp luật có liên quan).

Trụ sở chính của Công ty Mẹ được đặt tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Mẹ có bốn đơn vị trực thuộc với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP.HCM
2	Xí Nghiệp May Tân Phú	332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM
3	Xí Nghiệp May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP.HCM
4	Xí Nghiệp May An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP.HCM

### Các công ty con

Công ty TNHH May Tân Mỹ ("Tân Mỹ"), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500816433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 29 tháng 08 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 ngày 26 tháng 12 năm 2013. Trụ sở đăng ký của Tân Mỹ đặt tại Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của Tân Mỹ là may mặc.

Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh ("Sài Gòn Xanh"), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 51% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311908926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 08 năm 2012, và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 1 ngày 08 tháng 01 năm 2014. Trụ sở đăng ký của Sài Gòn Xanh đặt tại số 332 Lũy Bán Bích, Phường Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Sài Gòn Xanh là may mặc.

Sài Gòn Xanh có một chi nhánh trực thuộc và một công ty con hoạt động tại nước ngoài chi tiết như sau:

- Đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp may Hà Lam tọa lạc tại Lô B/B2 Cụm CN Hà Nam – Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.
- Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ	Số 11100 đường Valley Boulevard, Phòng 222, thành phố E1 Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ	Công ty kinh doanh hàng dệt may theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 564/BKHĐT-ĐTRNN ngày 02 tháng 11 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, với vốn đầu tư 300.000 USD tương đương 6.258.000.000 đồng.	100%

### Công ty liên kết

Công Ty Cổ Phần Phú Mỹ ("Phú Mỹ") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công Ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn đầu tư vào Phú Mỹ là 4.341.000.000 đồng, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Phú Mỹ là kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp.





## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty Mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi có thông tin tài chính đáng tin cậy. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tập đoàn thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của Công ty con tại nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công ty con chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2014:	21.360 VND/USD 25.874 VND/EUR
Tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo sử dụng để quy đổi	21.175 VND/USD



### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08



### 3.7 Tài sản cố định vô hình

#### *Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

#### *Giấy phép và giấy nhượng quyền*

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị giấy phép triển khai hệ thống an ninh mạng và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 04 năm.

### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không được tính khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### 3.10 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.





**3.11 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**3.12 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương, các khoản lương khoản theo năng suất và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

**3.13 Các khoản trích theo lương**

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

**3.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3.15 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

**3.16 Nguồn vốn kinh doanh*****Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty Mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 3.17 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 3.18 Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty Mẹ như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty Mẹ	(*)	
Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	(*)	

(\*) Các quỹ này được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 3.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập các quỹ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Mẹ (trước khi trích lập các quỹ và sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3.20 Doanh thu

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.





**Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

**Doanh thu cho thuê**

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**3.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.



### 3.22 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 3.23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 3.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Con đường xanh Quảng Nam	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH B&O	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn

#### 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.154.392.609	805.202.594
Tiền gửi ngân hàng	37.813.713.945	51.569.289.364
- VND	1.302.767.318	6.117.784.912
- USD	36.422.562.778	45.352.288.166
- EUR	88.383.849	99.216.286
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	-
	<b>39.968.106.554</b>	<b>52.374.491.958</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá ba tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản tiền gửi kỳ hạn này đã được sử dụng để làm đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (xem thuyết minh 4.14).

##### 4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khách hàng trong nước	27.337.130.573	56.658.638.494
Các khách hàng nước ngoài	137.194.214.776	86.713.476.362
<b>Tổng cộng</b>	<b>164.531.345.349</b>	<b>143.372.114.856</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>164.531.345.349</b>	<b>143.372.114.856</b>

Tất cả khoản phải thu trị giá 1.000.000 USD đã được thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) để đảm bảo cho khoản vay (xem thuyết minh 4.14).

##### 4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các nhà cung cấp trong nước	7.372.294.753	17.031.308.080
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.893.484.592	1.579.004.145
	<b>13.265.779.345</b>	<b>18.610.312.225</b>

##### 4.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	4.733.862.605	2.851.403.830
Phải thu khác	417.419.799	196.926.588
	<b>5.151.282.404</b>	<b>3.048.330.418</b>





**4.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	106.011.489.339	155.888.373.444
Công cụ, dụng cụ	1.508.743.268	2.535.702.153
Giá trị sản phẩm dở dang	1.199.158.907	1.258.802.756
Thành phẩm	75.922.184.066	80.308.211.152
Hàng hóa	2.756.727.270	785.756.414
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>187.398.302.850</b>	<b>240.776.845.919</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>187.398.302.850</b>	<b>240.776.845.919</b>

Một số hàng tồn kho trị giá 1.000.000 USD đã được thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) để đảm bảo cho khoản vay (xem thuyết minh 4.14).

**4.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	38.400.000
Thuế GTGT được khấu trừ	14.954.698.180	13.887.086.422
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	202.625.179	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	39.620.507	39.620.507
Tạm ứng	339.727.474	325.681.908
Trả trước tiền thuê nhà	-	340.445.584
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	828.247.500
	<b>15.536.671.340</b>	<b>15.459.481.921</b>

**4.7 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2014	116.000.938.249	86.124.711.506	8.600.479.715	8.466.060.182	219.192.189.652
Mua mới	1.118.944.492	19.354.858.616	134.000.000	1.138.381.544	21.746.184.652
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	21.811.928.011	-	-	-	21.811.928.011
Thanh lý	-	(572.743.188)	-	(93.159.031)	(665.902.219)
Phân loại lại	(157.562.881)	-	-	157.562.881	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	2.092.866	2.092.866
Tại 31/12/2014	<u>138.774.247.871</u>	<u>104.906.826.934</u>	<u>8.734.479.715</u>	<u>9.670.938.442</u>	<u>262.086.492.962</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2014	36.733.476.366	51.355.358.819	4.662.971.355	4.429.182.529	97.180.989.069
Khấu hao	3.015.314.973	10.996.843.879	996.216.362	1.602.216.089	16.610.591.303
Thanh lý	-	(572.743.188)	-	(93.159.031)	(665.902.219)
Phân loại lại	(6.977.480)	-	-	6.977.480	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	92.680	92.680
Tại 31/12/2014	<u>39.741.813.859</u>	<u>61.779.459.510</u>	<u>5.659.187.717</u>	<u>5.945.309.747</u>	<u>113.125.770.833</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 31/12/2014	<u>99.032.434.012</u>	<u>43.127.367.424</u>	<u>3.075.291.998</u>	<u>3.725.628.695</u>	<u>148.960.722.129</u>
Tại 01/01/2014	<u>79.267.461.883</u>	<u>34.769.352.687</u>	<u>3.937.508.360</u>	<u>4.036.877.653</u>	<u>122.011.200.583</u>

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2014 có các tài sản có nguyên giá là 62.225.005.525 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (01/01/2014: 56.382.890.202 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.22, Công ty đã thế chấp một số máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.947.824.590 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.





**4.8 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy nhượng quyền	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	54.120.965	119.200.000	173.320.965
Mua mới	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	54.120.965	119.200.000	173.320.965
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	22.833.086	24.833.333	47.666.419
Khấu hao trong năm	6.363.636	29.799.996	36.163.632
Tại ngày 31/12/2014	29.196.722	54.633.329	83.830.051
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<b>24.924.243</b>	<b>64.566.671</b>	<b>89.490.914</b>
Tại ngày 01/01/2014	<b>31.287.879</b>	<b>94.366.667</b>	<b>125.654.546</b>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2014 có các tài sản có nguyên giá là 22.302.783 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (01/01/2014: 22.302.783 VND).

**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Công trình	Số đầu năm VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ/chi phí trả trước dài hạn VND	Số cuối năm VND
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	-	-	10.020.000.000
Chi phí thực hiện dự án xí nghiệp may Tân Mỹ tại Cụm công nghiệp Hắc Dịch	2.304.159.661	20.031.126.229	20.491.902.890	1.843.383.000
Công trình xưởng Quảng Nam	1.342.072.026	13.912.000	1.355.984.026	-
Chi phí sửa chữa xí nghiệp và văn phòng	168.074.608	268.857.592	436.932.200	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo tại An Nhơn	-	337.183.177	332.401.177	4.782.000
	<b>13.834.306.295</b>	<b>20.651.078.998</b>	<b>22.617.220.293</b>	<b>11.868.165.000</b>

**4.10 Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty cổ phần Phú Mỹ	4.341.000.000	4.341.000.000
	<b>4.341.000.000</b>	<b>4.341.000.000</b>

Công Ty Cổ Phần Phú Mỹ ("Phú Mỹ") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công Ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn đầu tư vào Phú Mỹ là 4.341.000.000 đồng, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Phú Mỹ là kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

**4.11 Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>				
Công ty Cổ phần Da giày Sagoda	98.155	1.919.150.000	98.155	1.919.150.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	196.855	3.998.050.000	196.855	3.998.050.000
Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam	18.716	1.269.730.000	16.275	1.245.320.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	843.950	10.127.400.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>17.314.330.000</b>		<b>17.289.920.000</b>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		<b>(3.686.464.600)</b>		<b>(3.816.415.000)</b>
Trong đó:				
Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam		(672.689.600)		(802.640.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á		(3.013.775.000)		(3.013.775.000)
<b>Giá trị thuần</b>		<b>13.627.865.400</b>		<b>13.473.505.000</b>

**4.12 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ, dụng cụ	4.931.951.553	18.946.213.257
Tiền thuê đất	16.227.501.578	9.776.675.114
Máy móc thiết bị không đủ điều kiện TSCĐ	8.136.623.365	-
Chi phí khác	2.301.711.685	1.260.996.149
	<b>31.597.788.181</b>	<b>29.983.884.520</b>

**4.13 Tài sản dài hạn khác**

Tài sản dài hạn khác thể hiện tiền đặt cọc thuê văn phòng, thuê nhà, các khoản thuê khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**4.14 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn:		
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	68.342.367.499	53.714.433.473
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	116.605.317.829	118.213.787.457
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	7.321.067.376	31.219.067.465
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	3.332.160.000	10.854.866.270
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	812.819.556	-
Cộng: Nợ dài hạn đến hạn trả	1.563.338.400	-
	<b>197.977.070.660</b>	<b>214.002.154.665</b>





**Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)**

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) nhằm bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số khoản phải thu cũng như hàng hóa trong kho trị giá 2.000.000 USD (xem thuyết minh 4.2 và 4.5).

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này không áp dụng biện pháp đảm bảo, ngoại trừ một khoản vay ngắn hạn với hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 1 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (xem thuyết minh 4.1).

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này không áp dụng biện pháp đảm bảo.

<b>4.15 Phải trả người bán</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Các nhà cung cấp trong nước	32.213.100.783	47.163.009.015
Các nhà cung cấp nước ngoài	39.101.986.389	44.746.599.047
	<b>71.315.087.172</b>	<b>91.909.608.062</b>
<b>4.16 Người mua trả tiền trước</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Các khách hàng trong nước	93.407.420	92.378.493
Các khách hàng nước ngoài	443.136.268	5.867.931.881
	<b>536.543.688</b>	<b>5.960.310.374</b>
<b>4.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	92.969.131	199.002.406
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.985.028.576	9.404.293.827
Thuế thu nhập cá nhân	2.454.958.929	2.217.493.347
Các loại thuế khác	26.467.654	42.329.555
	<b>5.559.424.290</b>	<b>11.863.119.135</b>
<b>4.18 Phải trả người lao động</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Các khoản lương, thưởng và khác	94.421.270.541	83.106.997.102





<b>4.19 Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2014</b> VND	<b>01/01/2014</b> VND
Chi phí phải trả hàng FOB	156.162.890	1.462.632.469
Chi phí phải trả hàng nội địa	-	6.808.800
Tiền lương phép năm	3.499.233.055	3.047.952.610
Phải trả khác	81.181.883	351.273.944
	<b><u>3.736.577.828</u></b>	<b><u>4.868.667.823</u></b>
<b>4.20 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2014</b> VND	<b>01/01/2014</b> VND
Kinh phí công đoàn	-	83.828.020
Phải trả các loại bảo hiểm	263.467.312	584.839.338
Phải trả khác	-	32.200.000
	<b><u>263.467.312</u></b>	<b><u>700.867.358</u></b>
<b>4.21 Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
Tại ngày 01/01	9.571.038.944	4.152.574.350
Số quỹ được trích lập	11.675.899.169	13.728.617.075
Số quỹ đã sử dụng	(5.709.853.864)	(8.310.152.481)
Tại ngày 31/12	<b><u>15.537.084.249</u></b>	<b><u>9.571.038.944</u></b>
<b>4.22 Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2014</b> VND	<b>01/01/2014</b> VND
Vay và nợ Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	2.149.243.200	-
Trừ : Nợ dài hạn đến hạn trả	(1.563.338.400)	-
	<b><u>585.904.800</u></b>	<b><u>-</u></b>

Khoản vay trung hạn Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm mua máy móc thiết bị nhập khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh 4.7).



4.23 Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đổi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	88.685.710.000	5.755.652.370	(863.138.686)	-	32.133.882.771	7.893.690.896	43.456.954.314	177.062.751.665
Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	17.638.600.000	3.422.670.000	-	-	-	-	-	21.061.270.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	57.031.517.457	57.031.517.457
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	9.152.411.383	974.880.104	(23.855.908.562)	(13.728.617.075)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(24.684.899.500)	(24.684.899.500)
Chi khen thưởng HĐQT và cán bộ công chức, chỉ thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(4.172.476.864)	(4.172.476.864)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(8.058.000)	-	-	-	(8.058.000)
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>106.324.310.000</b>	<b>9.178.322.370</b>	<b>(863.138.686)</b>	<b>(8.058.000)</b>	<b>41.286.294.154</b>	<b>8.868.571.000</b>	<b>47.775.186.845</b>	<b>212.561.487.683</b>
Tăng do phát hành cổ phiếu (trả cổ tức 10% năm 2013)	10.578.990.000	-	-	-	-	-	(10.578.990.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	60.496.563.413	60.496.563.413
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	7.783.932.779	1.763.860.000	(21.223.691.948)	(11.675.899.169)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(28.027.265.600)	(28.027.265.600)
Chi khen thưởng HĐQT và cán bộ công chức, chỉ thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(5.909.081.252)	(5.909.081.252)
Chi phí thực hiện quyền chọn	-	(40.000.000)	-	-	-	-	-	(40.000.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	86.885.213	-	-	-	86.885.213
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>116.903.300.000</b>	<b>9.138.322.370</b>	<b>(863.138.686)</b>	<b>78.827.213</b>	<b>49.070.226.933</b>	<b>10.632.431.000</b>	<b>42.532.721.458</b>	<b>227.492.690.288</b>

**4.23 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****Cổ tức đã chi như sau**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Trả cổ tức năm trước	10.581.982.000	14.106.088.500
Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	10.578.990.000	-
Trả cổ tức năm nay	17.445.283.600	10.578.811.000
	<b><u>38.606.255.600</u></b>	<b><u>24.684.899.500</u></b>

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ14 ngày 12 tháng 04 năm 2014, trong năm Công ty Mẹ đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu và tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty Mẹ đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần và đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh cho số vốn điều lệ tăng thêm.

**Cổ phiếu**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.690.330	10.632.431
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.330	10.632.431
Cổ phiếu phổ thông	11.690.330	10.632.431
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	49.260	49.260
Cổ phiếu phổ thông	49.260	49.260
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.641.070	10.583.171
Cổ phiếu phổ thông	11.641.070	10.583.171
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**4.24 Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Sài Gòn Xanh.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại Sài Gòn Xanh được xác định như sau:

	VND
Vốn điều lệ của công ty con (Sài Gòn Xanh)	86.000.000.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho công ty Mẹ	43.860.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	42.140.000.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b><u>49%</u></b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng tài sản	80.469.301.615	68.189.333.861
Tổng nợ phải trả	(28.669.713.193)	(18.631.417.002)
<b>Tài sản thuần</b>	<b><u>51.799.588.422</u></b>	<b><u>49.557.916.859</u></b>





**Lợi ích của cổ đông thiểu số (tiếp theo)**

Chi tiết như sau:	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vốn điều lệ	74.825.960.000	65.347.553.918
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	78.827.213	(8.058.000)
Lợi nhuận chưa phân phối	(23.105.198.791)	(15.781.579.059)
	<b>51.799.588.422</b>	<b>49.557.916.859</b>

**Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	30.965.960.000	30.965.960.000
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(11.321.547.408)	(7.732.973.739)
	<b>19.644.412.592</b>	<b>23.232.986.261</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm của Sài Gòn Xanh	(7.323.619.732)	(14.499.119.106)
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số	(3.588.573.669)	(7.732.973.739)

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1 Doanh thu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	1.403.539.196.969	1.227.857.949.816
<i>Doanh thu xuất khẩu FOB</i>	1.364.217.445.600	1.136.114.854.721
<i>Doanh thu xuất khẩu CMP</i>	728.355.372	4.099.969.573
<i>Doanh thu nội địa</i>	38.593.395.997	87.643.125.522
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.444.814.416	1.344.778.092
Trừ : Giảm giá hàng bán (*)	(502.998.580)	(711.584.641)
Hàng bán trả lại	(2.432.772)	(11.672.630)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.409.478.580.033</b>	<b>1.228.479.470.637</b>

(\*) Đây là các khoản điều chỉnh đơn giá bán do hóa đơn viết sai đơn giá.

<b>5.2</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
	Giá vốn của hàng bán	1.201.404.440.645	1.062.371.948.608
		<b>1.201.404.440.645</b>	<b>1.062.371.948.608</b>
<b>5.3</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
	Lãi tiền gửi ngân hàng	126.277.050	161.206.836
	Lãi thu được từ hoạt động liên kết với Bệnh viện Đại học Y dược	7.610.760.000	7.560.000.000
	Cổ tức được chia	535.632.500	633.870.500
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.436.734.264	7.544.039.805
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	975.379.567	145.460.550
	Doanh thu tài chính khác	43.743.416	4.750.239
		<b>13.728.526.797</b>	<b>16.049.327.930</b>
<b>5.4</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
	Chi phí lãi vay	5.277.265.591	6.651.214.019
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.735.620.044	6.477.227.809
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.098.736.166	290.188.144
	Chi phí tài chính khác	(129.950.400)	-
		<b>10.981.671.401</b>	<b>13.418.629.972</b>
<b>5.5</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.778.410.610	2.324.063.290
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.143.878.566	15.908.308.326
	Chi phí khác	1.587.303.403	400.698.160
		<b>21.509.592.579</b>	<b>18.633.069.776</b>
<b>5.6</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
	Chi phí nhân viên quản lý	87.490.503.882	69.948.187.121
	Chi phí đồ dùng văn phòng	4.373.996.670	4.829.587.437
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.368.140.227	5.676.007.465
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.200.454.344	4.481.897.121
	Chi phí bằng tiền khác	6.999.327.178	5.882.460.951
		<b>115.432.422.301</b>	<b>90.818.140.095</b>





**5.7 Thu nhập khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	178.727.273	1.834.981.818
Thu nhập từ các khoản không phải thanh toán do hàng không đạt chất lượng	-	3.818.868.285
Thu khác	279.745.416	145.617.564
	<b>458.472.689</b>	<b>5.799.467.667</b>

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>74.326.239.486</b>	<b>65.071.061.119</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.411.603.533	1.284.697.209
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.955.774.728)	(2.059.117.888)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>73.782.068.291</b>	<b>64.296.640.440</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>18.159.810.172</b>	<b>16.074.365.823</b>
Giảm trừ thuế (50%)	(373.631.642)	(266.803.617)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>17.786.178.530</b>	<b>15.807.562.206</b>
Trong đó		
- Công ty Mẹ	17.167.298.039	15.540.758.590
- Công ty Sài Gòn Xanh	245.248.850	-
- Công ty Tân Mỹ	373.631.641	266.803.616

Công ty Mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm (2004 đến 2013) kể từ khi doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (năm 2004) theo Công văn số 1467/CT-TTHT ngày 11 tháng 3 năm 2010 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh; đối với thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp theo thuế suất phổ thông 25%. Đến năm 2014, Công ty Mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông là 22% (hoặc 20% kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016) trên thu nhập chịu thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành.

Công ty Sài Gòn Xanh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Tân Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong mười hai (12) năm từ năm đầu tiên hoạt động và áp dụng thuế suất phổ thông cho các năm tiếp theo. Theo giấy chứng nhận đầu tư số 49121000077 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008, Công Ty Tân Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và giảm 50% trong bảy (07) năm tiếp theo.



**5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty Mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	60.496.563.413	57.031.517.457
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.130.960	9.312.225
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.435</b>	<b>6.124</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.583.171	8.819.311
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	492.914
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành để chi trả cổ tức năm 2013	547.789	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<b>11.130.960</b>	<b>9.312.225</b>

**5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	836.560.996.486	728.915.221.885
Chi phí nhân công	464.367.275.356	289.516.513.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.646.754.935	14.972.144.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.051.205.109	10.603.194.751
Chi phí khác	30.797.803.954	18.364.873.714
	<b>1.549.424.035.840</b>	<b>1.062.371.948.608</b>

**6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:



## i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD) và Đồng Euro (EUR). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND, USD, và EUR.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.705.176,16	3.415,53
Phải thu khách hàng	6.422.950,13	-
Phải trả người bán	2.390.586,57	-
Người mua trả tiền trước	20.746,08	-
Trả trước cho người bán	275.912,20	-
Vay ngắn hạn	9.268.589,45	-
Vay dài hạn	27.430,00	-
Đặt cọc	14.200,00	-
	<b>20.551.093,14</b>	<b>3.415,53</b>

## ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và phải trả cho các bên liên quan.



*Phải thu khách hàng*

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Các khoản vay	197.977.070.660	585.904.800	198.562.975.460
Phải trả người bán	71.315.087.172	-	71.315.087.172
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	237.344.773	-	237.344.773
	<b>269.529.502.605</b>	<b>585.904.800</b>	<b>270.115.407.405</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2014</b>			
Các khoản vay	214.002.154.665	-	214.002.154.665
Phải trả người bán	91.909.608.062	-	91.909.608.062
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.852.915.213	-	1.852.915.213
	<b>307.764.677.940</b>	<b>-</b>	<b>307.764.677.940</b>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.







**(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý****Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Nợ phải trả tài chính phi phái sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu trúc phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

**v. Phòng ngừa rủi ro**

Tập đoàn không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan****Giao dịch với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	VND	VND
Tiền lương, bảo hiểm	4.547.216.539	4.932.963.302
Thù lao, thưởng từ nguồn thù lao và quỹ thưởng của Hội đồng quản trị	2.410.168.424	1.912.598.377
	<b>6.957.384.963</b>	<b>6.845.561.679</b>



**Các bên liên quan khác**

Trong năm, Tập đoàn đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Tiền thuê quyền sử dụng đất	-	10.011.315.314
	Phí duy trì hạ tầng, xử lý nước thải, nước sinh hoạt	620.006.614	371.179.644
Công ty TNHH B&O	Mua nguyên phụ liệu và phí gia công	2.272.727.273	2.951.087.958
	Bán hàng	-	7.616.400.461
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Mua hàng	2.897.612.168	2.595.669.240
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.237.349.989	66.061.324.829
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	Phí gia công, in, wash	2.223.687.296	-
	Bán hàng	7.939.494.856	3.454.103.965

Số dư với các bên liên quan:

	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH B&O	-	334.380.000
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	19.332.249.904	51.759.984.613
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	5.074.596.361	2.347.145.362
	<b>24.406.846.265</b>	<b>54.441.509.975</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty cổ phần Phú Mỹ	2.037.626.437	1.837.626.437
	<b>2.037.626.437</b>	<b>1.837.626.437</b>
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	4.396.168.435	4.341.000.000
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	566.848.000	482.632.000
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	-	3.450.432
	<b>4.963.016.435</b>	<b>4.827.082.432</b>

**7.2 Các khoản cam kết chi tiêu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn ký hợp đồng cam kết mua nguyên vật liệu với bên thứ ba với giá trị là 3.348.671.336 đồng.

**7.3 Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
Trong vòng một năm	620.121.000	251.755.776
Trong vòng hai đến năm năm	1.704.800.000	629.389.440
	<b>2.324.921.000</b>	<b>881.145.216</b>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê nhà tại Hoa Kỳ.



**7.4 Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc và chủ yếu là xuất khẩu (hơn 90%). Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tập đoàn hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh được thành lập tại Hoa Kỳ) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

**7.5 Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất (ngày 31 tháng 12 năm 2014) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7.6 Thông tin khác**

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo hợp nhất chi tiết như sau:

Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn VND	Công Ty TNHH May Sài Gòn Xanh VND	Công Ty TNHH May Tân Mỹ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.343.457.473.849	80.520.186.229	180.142.021.446	(194.641.101.491)	1.409.478.580.033
Giá vốn hàng bán	1.169.736.424.112	79.303.774.997	145.550.767.623	(193.186.526.087)	1.201.404.440.645
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	173.721.049.737	1.216.411.232	34.591.253.823	(1.454.575.404)	208.074.139.388
Doanh thu hoạt động tài chính	13.297.923.161	144.974.514	285.629.122	-	13.728.526.797
Chi phí tài chính	10.542.982.242	229.016.549	209.672.610	-	10.981.671.401
Chi phí bán hàng	17.739.389.843	860.175.947	3.302.552.238	(392.525.449)	21.509.592.579
Chi phí quản lý doanh nghiệp	83.371.308.639	7.362.456.499	26.379.297.409	(1.680.640.246)	115.432.422.301
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>75.365.292.174</b>	<b>(7.090.263.249)</b>	<b>4.985.360.688</b>	<b>618.590.291</b>	<b>73.878.979.904</b>

**TRẦN THỊ THU TRÂM**  
Người lập biểu

**NGUYỄN MINH HẰNG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN AN**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2014 được đăng tải tại website của Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn – Mục Quan hệ cổ đông

<http://garmexsaigon-gmc.com/stockinformation-vn.aspx>



Xác nhận của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty



Nguyễn Ân